

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



SỐ TỔNG KẾT QUÝ IV - RA NGÀY 29/12/2023

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhthh.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
47/GP-XBBT ngày 18/8/2023

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	3
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	9
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	14
THỊ TRƯỜNG CHÈ	18
THỊ TRƯỜNG THỊT	21
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	26
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	30
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	34

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Cao su:** Giá cao su trên thị trường châu Á năm 2023 có xu hướng tăng mạnh. Tháng 12/2023, giá cao su đã tăng mạnh so với đầu năm 2023. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên, năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu dự kiến tăng 3,5% so với năm 2022, trong khi tiêu thụ cao su tự nhiên giảm 0,5% do nhu cầu nhập khẩu cao su của các thị trường lớn trên thế giới năm 2023 giảm.
- ▶ **Cà phê:** Cuối năm 2023, giá cà phê thế giới tăng lên mức cao kỷ lục do lo ngại nguồn cung thiếu hụt.
- ▶ **Hạt tiêu:** Cuối năm 2023, giá hạt tiêu xuất khẩu tại các nước sản xuất biến động không đồng nhất.
- ▶ **Chè:** 11 tháng năm 2023, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2022;

Xuất khẩu chè của Trung Quốc giảm 0,1% về lượng và giảm 12,6% về trị giá.

- ▶ **Thịt:** Trong năm 2023, ngành chăn nuôi lợn thế giới gặp nhiều thách thức do nguồn cung dồi dào, nhu cầu giảm khiến giá lợn có xu hướng giảm kể từ đầu tháng 7/2023 đến nay.
- ▶ **Thủy sản:** Theo dự báo của Rabobank, nhu cầu tiêu thụ tôm tại các thị trường sẽ dần phục hồi trong năm 2024. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ tôm của Trung Quốc có thể tiếp tục giảm. Xuất khẩu thủy sản của Nhật Bản đến Trung Quốc tháng 10/2023 giảm hơn 80%, trong khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 18% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** 11 tháng năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ▶ **Cao su:** Năm 2023 giá mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động theo xu hướng của thị trường thế giới, giá mủ cao su giảm trong 2 quý đầu năm, sau đó tăng trở lại trong quý III và IV/2023. Theo ước tính, năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 2,14 triệu tấn, trị giá 2,89 tỷ USD, giảm 0,04% về lượng và giảm 12,7% về trị giá so với năm 2022.
- ▶ **Cà phê:** Giá cà phê Robusta trong nước năm 2023 tăng rất mạnh. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2023 giảm về lượng, nhưng tăng về trị giá so với năm 2022. Nhập khẩu cà phê của EU và Nhật Bản năm 2023 có xu hướng giảm, nhưng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng.
- ▶ **Hạt tiêu:** Năm 2023, xuất khẩu hạt tiêu tăng về lượng, nhưng giảm về trị giá. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam chiếm 40,1% tổng lượng và 32,23% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới trong 9 tháng đầu năm 2023. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 72,51% trong 10 tháng năm 2022 lên 74,01% trong 10 tháng năm 2023.
- ▶ **Chè:** Năm 2023, chè xuất khẩu ước đạt 121 nghìn tấn, trị giá 211 triệu USD, giảm 16,9% về lượng và giảm 10,9% về trị giá so với năm 2022. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU, Pa-ki-xtan, Hoa Kỳ, Anh giảm; thị phần trong tổng nhập khẩu của thị trường Hồng Kông tăng.

▶ **Thịt:** Năm 2024, ngành chăn nuôi Việt Nam đặt mục tiêu tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 7,89 triệu tấn, tăng 3,8% so với năm 2023; sản lượng thịt lợn hơi đạt trên 4,87 triệu tấn tăng 4%; sản lượng thịt gia cầm đạt trên 2,31 triệu tấn tăng 3,1% so với năm 2023. Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 22,4% về lượng và tăng 36,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; nhập khẩu tăng 6,1% về lượng, nhưng giảm 3,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

▶ **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024 dự báo chỉ phục hồi nhẹ so với mức nền thấp của cùng kỳ năm 2023 do nhu cầu thị trường chưa chắc chắn. Nhu cầu nhập khẩu hàng thủy sản của một số thị trường lớn như Hoa Kỳ và Hàn Quốc bắt đầu có tín hiệu phục hồi, trong khi nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc, Nhật Bản vẫn giảm mạnh.

▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 13,4 tỷ USD, giảm 16,5% so với năm 2022. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường nhập khẩu chính trên toàn cầu như EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa và Nhật Bản đều giảm.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Giá cao su trên thị trường châu Á năm 2023 có xu hướng tăng mạnh.
- ▶ Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên, năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu dự kiến tăng 3,5% so với năm 2022, trong khi tiêu thụ cao su tự nhiên giảm 0,5%, tuy nhiên lượng cao su tự nhiên vẫn thiếu hụt khoảng 293 nghìn tấn.
- ▶ Năm 2023, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động theo xu hướng của thị trường thế giới, giá mủ cao su giảm trong 2 quý đầu năm, sau đó tăng trở lại trong quý III và IV/2023.
- ▶ Theo ước tính, năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 2,14 triệu tấn, trị giá 2,89 tỷ USD, giảm 0,04% về lượng và giảm 12,7% về trị giá so với năm 2022.
- ▶ Nhu cầu nhập khẩu cao su của các thị trường lớn trên thế giới năm 2023 giảm.

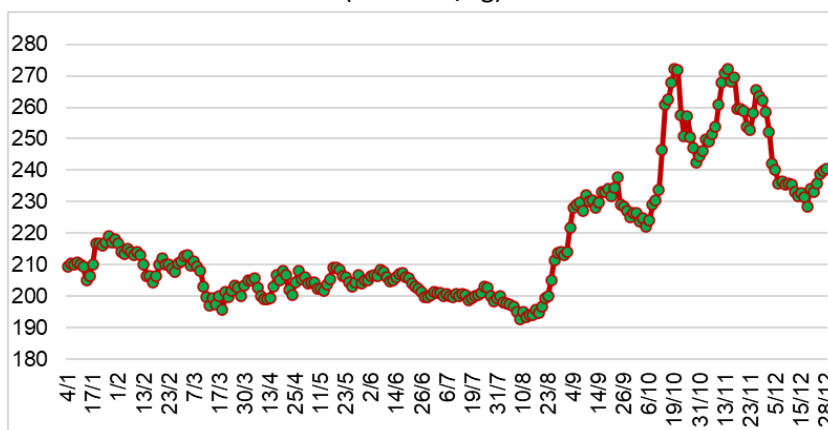


THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Năm 2023, giá cao su trên thị trường châu Á biến động mạnh, giá ở mức thấp trong 2 quý đầu năm và tăng trở lại trong quý III và quý IV/2023. Giá đạt mức cao nhất năm vào tháng 10 và 11/2023, nhưng sau đó đã giảm trở lại. Tháng 12/2023, giá cao su biến động trái chiều, so với cuối tháng trước giá tại Nhật Bản giảm; trong khi tăng tại Thượng Hải và Thái Lan nhờ được thúc đẩy bởi nhu cầu từ các nhà máy của Trung Quốc ổn định, thị trường hy vọng về các biện pháp kích thích tại Trung Quốc và lo ngại về khả năng thiếu hụt nguồn cung từ Thái Lan.

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản, giá cao su giảm mạnh so với cuối tháng trước, song đã giảm được hạn chế bởi nhu cầu tăng tại Trung Quốc. Sau khi giảm xuống mức thấp nhất tháng vào ngày 19/12/2023 (xuống mức 228,4 Yên/kg), giá tăng nhẹ trở lại, nhưng vẫn giảm so với cuối tháng trước. Ngày 28/12/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần giao dịch ở mức 240,5 Yên/kg (tương đương 1,7 USD/kg), giảm 7% so với cuối tháng 11/2023, nhưng tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn Osaka từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: Yên/kg)

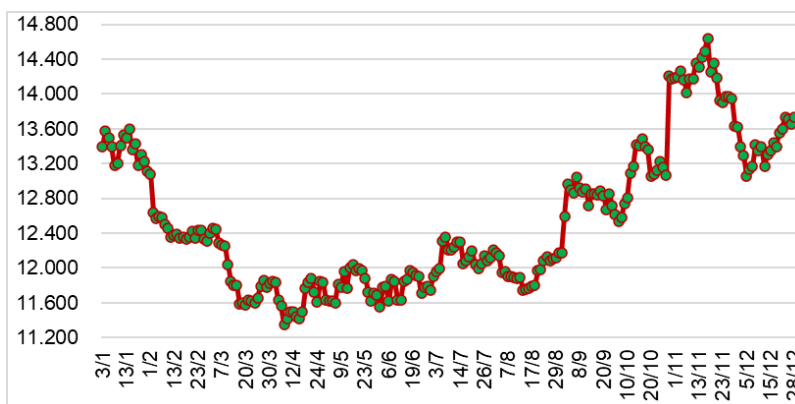


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su sau khi giảm xuống mức thấp nhất tháng vào ngày 05/12/2023 (xuống mức 13.060 NDT/tấn), giá tăng trở lại. Ngày 28/12/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 13.735 NDT/tấn (tương đương 1,92 USD/kg), tăng 0,8% so với cuối tháng 11/2023 và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2022. Về lượng tồn kho, tính đến ngày 22/12/2023, lượng cao su tự nhiên tồn kho trên Sàn giao dịch

tương lai Thượng Hải đạt 186.201 tấn, tăng 6.080 tấn; Lượng hàng nhập kho đạt 159.850 tấn, tăng 14.280 tấn so với tuần trước. Tồn kho cao su số 20 đạt 121.463 tấn, tăng 4.212 tấn; lượng hàng nhập kho đạt 111.786 tấn, tăng 3.023 tấn so với tuần trước. Trong khi đó, lượng tồn kho cao su tự nhiên, tổng hợp tại khu ngoại quan Thanh Đảo đạt 441.400 tấn, giảm 5.100 tấn (tương đương giảm 1,14%) so với tuần trước.

Diễn biến giá cao su RSS3 giao tại sàn SHFE từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)

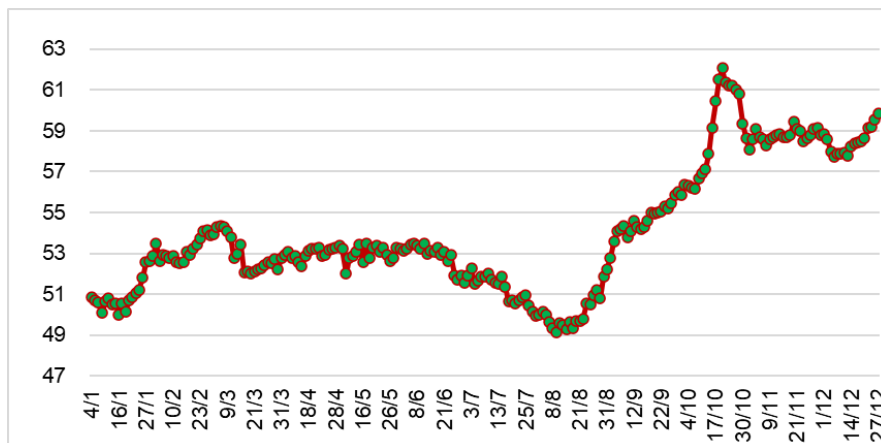


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su sau khi giảm xuống mức thấp nhất tháng vào ngày 07/12/2023 (xuống mức 57,71 Baht/kg), giá có xu hướng tăng trở lại. Ngày 27/12/2023, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 59,86 Baht/kg (tương đương 1,74 USD/kg), tăng

1,8% so với cuối tháng 11/2023 và tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2022. Một số tỉnh phía Nam Thái Lan bị lũ lụt nghiêm trọng sau vài ngày mưa lớn, ảnh hưởng đến nguồn cung cao su tự nhiên.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) tháng 11/2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đạt 1,575 triệu tấn, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi tiêu thụ cao su tự nhiên dự kiến đạt 1,293 triệu tấn, giảm 0,2% so

với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu dự kiến đạt 15,145 triệu tấn, tăng 3,5% so với năm 2022 (trong đó, Thái Lan tăng 2,5%, In-đô-nê-xi-a tăng 1,8%, Trung Quốc giảm 2,4%, Ấn Độ tăng 3,8%, Việt Nam tăng 4,1%, Ma-lai-xi-a giảm 11,2%

và các thị trường khác tăng 13,8%). Tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu năm 2023 dự kiến đạt 15,438 triệu tấn, giảm 0,5% so với năm 2022 (trong đó, Trung Quốc tăng 3,7%, Ấn Độ tăng 5,7%, Thái Lan tăng 1%, Ma-lai-xi-a giảm 20,4%, Việt Nam tăng 0,2% và các thị trường khác giảm 11,1%).

Thái Lan: Trong 11 tháng năm 2023, Thái Lan xuất khẩu cao su tự nhiên (không bao gồm cao su hỗn hợp) đạt 2,51 triệu tấn, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tổng xuất khẩu cao su tiêu chuẩn đạt 1,45 triệu tấn, giảm 7%; Xuất khẩu cao

su hun khói đạt 326 nghìn tấn, giảm 23%; Xuất khẩu mủ cao su đạt 715 nghìn tấn, giảm 32% so với cùng kỳ năm 2022. Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu cao su tự nhiên sang Trung Quốc đạt 992 nghìn tấn, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng xuất khẩu cao su tiêu chuẩn sang Trung Quốc đạt 671 nghìn tấn, tăng 37%; Tổng xuất khẩu cao su hun khói sang Trung Quốc đạt 69 nghìn tấn, giảm 5%; Tổng lượng mủ cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 253 nghìn tấn, giảm 39% so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Năm 2023 giá mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động theo xu hướng của thị trường thế giới, giá mủ cao su giảm trong 2 quý đầu năm, sau đó tăng trở lại trong quý III và IV/2023.

Trong tháng 12/2023, giá mủ cao su nguyên liệu tại một số tỉnh, thành phố biến động nhẹ, giá thu mua mủ cao su tại Bình Phước và Gia Lai ổn định, trong khi giá tại Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu tăng nhẹ so với cuối tháng trước. Trong đó, Công ty Cao su Phú Riềng giữ giá thu mua ở mức 285-305 đồng/TSC. Công ty Cao su Bình Long giữ giá thu mua ở mức 285-295 đồng/TSC. Tuy nhiên, Công ty Cao su Bà Rịa điều chỉnh giá thu mua lên mức 283-293 đồng/TSC, tăng 3 đồng/TSC; Công ty Cao su Phước Hòa cũng điều chỉnh giá thu mua mủ cao su nguyên liệu lên mức 314-316 đồng/TSC, tăng 3 đồng/TSC so với cuối tháng 11/2023.

Theo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), năm 2023, sản lượng mủ cao su khai thác của Tập đoàn ước đạt 445.000 tấn, vượt 4,7% kế

hoạch năm, tăng 3,5% (tương ứng tăng 15.400 tấn) so với năm trước; tiêu thụ đạt 520.290 tấn cao su các loại, đạt 102,4% kế hoạch năm, tăng 3,8% (tương đương tăng 18.968 tấn) so với năm 2022. Năng suất bình quân vườn cây toàn Tập đoàn ước đạt 1,59 tấn/ha (trong nước 1,57 tấn/ha, ngoài nước 1,62 tấn/ha). Bình quân năm 2023, giá bán mủ cao su toàn Tập đoàn ước khoảng 30,5 triệu đồng/tấn, giảm 5,8 triệu đồng/tấn (tương đương giảm gần 16%) so với giá bán năm 2022.

Năm 2024, VRG đặt mục tiêu sản lượng cao su khai thác đạt 445.200 tấn, thu mua 75.290 tấn và tiêu thụ 520.490 tấn; giá bán mủ bình quân khoảng 34,6 triệu đồng/tấn. Tập đoàn đặt mục tiêu đến năm 2030 có 60% diện tích cao su đạt chứng nhận quản lý rừng bền quốc gia và quốc tế VFSC, PEFC, FSC. Đến năm 2050 có 100% diện tích cao su đạt chứng nhận quản lý rừng bền quốc gia và 100% nhà máy sản xuất mủ, gỗ, sản phẩm công nghiệp cao su có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam gặp nhiều khó khăn do giá cao su xuất khẩu giảm mạnh, nên trị giá xuất khẩu cao su thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, sự phục hồi hoạt động sản xuất tại Trung Quốc yếu hơn so với các dự báo, khiến sản lượng tiêu thụ lần giá bán cao su đều ở mức thấp. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cao su cần có chiến lược tăng tỷ lệ cao su chế biến hơn là cao su nguyên liệu để nâng cao giá trị xuất khẩu.

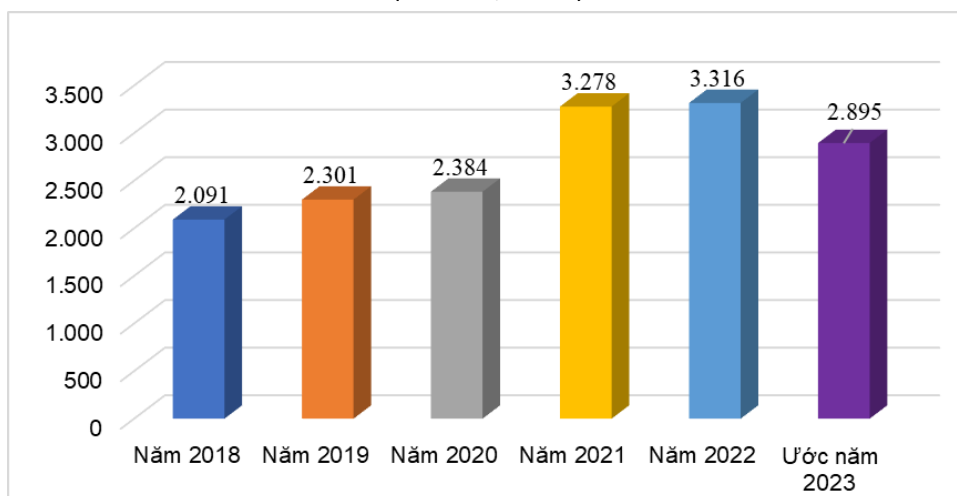
Theo ước tính, năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 2,14 triệu tấn, trị giá 2,89 tỷ USD, giảm 0,04% về lượng và giảm 12,7% về trị giá so với năm 2022. Giá xuất khẩu bình quân đạt 1.350 USD/tấn, giảm 12,7% so với năm 2022.

Thời gian tới, nhu cầu Trung Quốc vẫn là yếu tố chủ chốt tác động lên diễn biến giá cao su tại Việt Nam. Bên cạnh đó, biến động của giá dầu do



lo ngại gián đoạn thương mại tại kênh đào Suez cũng sẽ ảnh hưởng gián tiếp lên giá cao su. Năm 2024, dự kiến Trung Quốc sẽ đẩy mạnh tiêu thụ ô tô, cũng như thúc đẩy các hoạt động sản xuất, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu cao su để sản xuất lốp xe và các sản phẩm khác tăng lên. Việc Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su sẽ là động lực tăng giá cao su toàn cầu. Trong khi, gần 80% tổng lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam là được xuất khẩu sang Trung Quốc.

Kim ngạch xuất khẩu cao su qua các năm giai đoạn 2018 – 2023
(ĐVT: triệu USD)



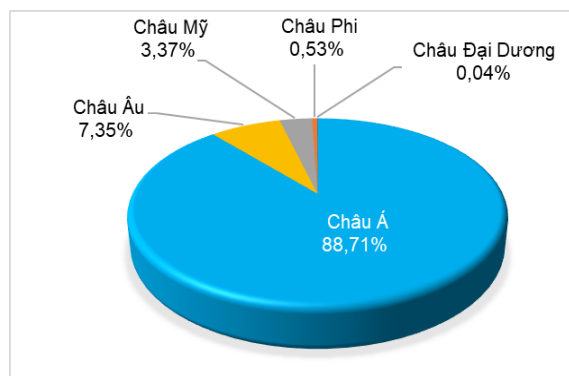
*Nguồn: Tổng cục Hải quan
Số liệu ước tính năm 2023*

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 1,87 triệu tấn, trị giá gần 2,51 tỷ USD, tăng 0,01% về lượng, nhưng giảm 14,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. 11 tháng năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cao su đạt 1.344 USD/tấn, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2022.

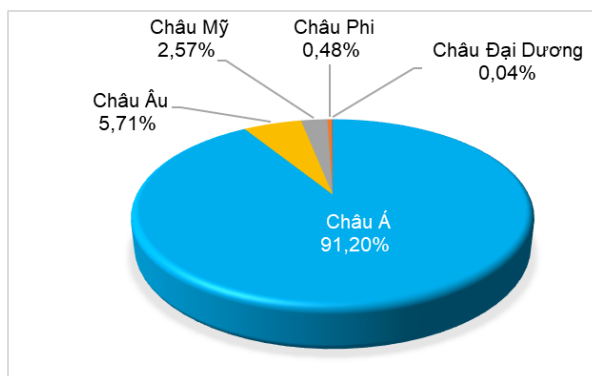
Về thị trường xuất khẩu: Trong 11 tháng năm 2023, cao su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang khu vực châu Á, chiếm tới 91,45% về lượng và chiếm 91,2% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, đạt 1,71 triệu tấn, trị giá 2,29 tỷ USD, tăng 2,6% về lượng, nhưng giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu cao su sang các thị trường phần lớn vẫn sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022, nhất là các thị trường lớn như: Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đức, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, Xri-Lan-ca, Nga, In-đô-nê-xi-a, Tây Ban Nha... Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường vẫn tăng trưởng tốt về lượng như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Hà Lan, Xin-ga-po, Cộng hoà Séc... Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam, chiếm 79,22% về lượng và chiếm 78,08% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của

cả nước, đạt 1,48 triệu tấn cao su, trị giá 1,96 tỷ USD, tăng 7,9% về lượng, nhưng giảm 5,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Đứng thứ hai là Ấn Độ, chiếm 5,34% về lượng và chiếm 5,49% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước trong 11 tháng năm 2023, đạt 100,06 nghìn tấn, trị giá 138,26 triệu USD, giảm 12,2% về lượng và giảm 29,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Về chủng loại xuất khẩu: Trong 11 tháng năm

2023, phần lớn các chủng loại cao su xuất khẩu đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, cơ cấu và chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu vẫn là cao su tự nhiên và còn phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc.

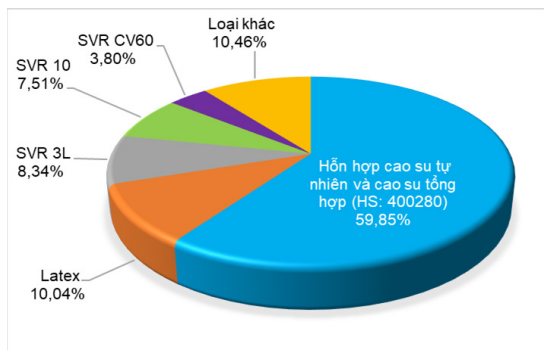
Trong 11 tháng năm 2023, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 67,54% về

lượng và chiếm 68,87% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, với 1,26 nghìn tấn, trị giá trên 1,73 tỷ USD, tăng 13,1% về lượng, nhưng giảm 1,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm tới 99,79% về lượng và chiếm 99,65% về trị giá trong tổng xuất khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của cả nước.

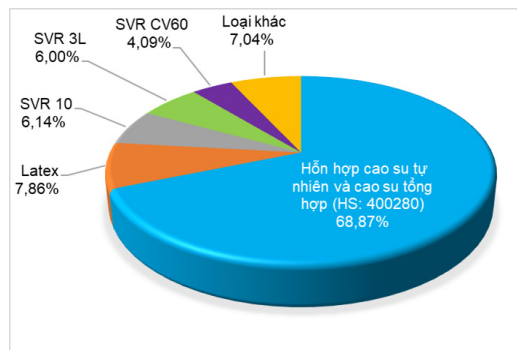
Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: trong 11 tháng năm 2023, giá xuất khẩu bình quân các chủng loại cao su đều sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giảm mạnh nhất là Skim block giảm 24,7%; Cao su hỗn hợp (HS: 4005) giảm 24,6%; RSS3 giảm 18,8%;

Latex giảm 17,8%; SVR 10 giảm 17,6%; SVR CV50 giảm 16,3%; RSS1 giảm 15,6%... Giá cao su giảm cũng gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu cao su của Việt Nam.



DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Từ đầu năm 2023 đến nay, kinh tế toàn cầu suy yếu, lạm phát tăng cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài dẫn đến nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới giảm nhập khẩu cao su. Tuy nhiên, tiêu thụ và giá cao su thế giới đang có triển vọng tốt nhờ chính sách kích thích kinh tế nhiều hơn của Chính phủ Trung Quốc và dự đoán Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Hơn nữa, nhu cầu về cao su kỳ vọng sẽ tăng tại Thái Lan trong thời gian tới khi Chính phủ nước này cho biết, các nhà sản xuất ô tô lớn của Nhật Bản sẽ đầu tư 4,3 tỷ USD

vào Thái Lan trong 5 năm tới nhằm hỗ trợ Thái Lan chuyển đổi sang sản xuất xe điện.

Trung Quốc: Trong 11 tháng năm 2023, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới, với 7,31 triệu tấn, trị giá 10,9 tỷ USD, tăng 7,7% về lượng, nhưng giảm 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 1,5 triệu tấn, trị giá 1,99 tỷ USD, tăng 14,9% về lượng, nhưng giảm 3,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, thị phần cao su Việt Nam chiếm 20,56% về lượng và chiếm 18,29% về trị giá trong tổng nhập khẩu cao su của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023, cao hơn so với cùng kỳ năm 2022 (11 tháng năm 2022, thị phần cao su Việt Nam chiếm 19,28% về lượng và chiếm 16,88% về trị giá). Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc, chỉ sau Thái Lan. Tuy nhiên, giá cao su xuất khẩu của Việt Nam vẫn thấp hơn nhiều so với cao su của Thái Lan xuất khẩu sang Trung Quốc.

Trung Quốc hiện có nhiều chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp xe điện, tác động tích cực lên tổng cầu cao su tại quốc gia này. Trong khi đó, xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc vẫn duy trì đà tăng mạnh về cả sản lượng và trị giá, qua đó thúc đẩy nhu cầu về cao su của nước này. Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc đạt 8,12 triệu tấn, trị giá khoảng 142,72 tỷ NDT, tăng 16,4% về lượng và tăng 19,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Theo dữ liệu mới nhất do Cục Thống kê Quốc gia công bố, sản lượng lốp cao su của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023 đạt 902,424 triệu chiếc, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2022.



5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới năm 2023 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	9 tháng đầu năm 2023 (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 10/2023 (triệu USD)	Tháng 11/2023 (triệu USD)	Lũy kế năm 2023 (triệu USD)	Lũy kế năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)
Trung Quốc	8.914	19,32	951,7	1.041	10.907	-10,7	18,29
EU	10.043	0,79			10.043	-18,8	0,79
Hoa Kỳ	2.624	0,87	309,23		2.933	-27,6	1,42
Ấn Độ	1.584	7,17	184,83		1.768	-24,6	7,28
Ma-lai-xi-a	1.385	0,73	195,04		1.580	-35,2	0,70

Nguồn: Eurostat, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, Bộ Thương mại Ấn Độ, Cục Thống kê Ma-lai-xi-a (Tỷ giá 1 EUR= 1,1007 USD; 1 USD= 4,6508 Ringgit Ma-lai-xi-a)

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

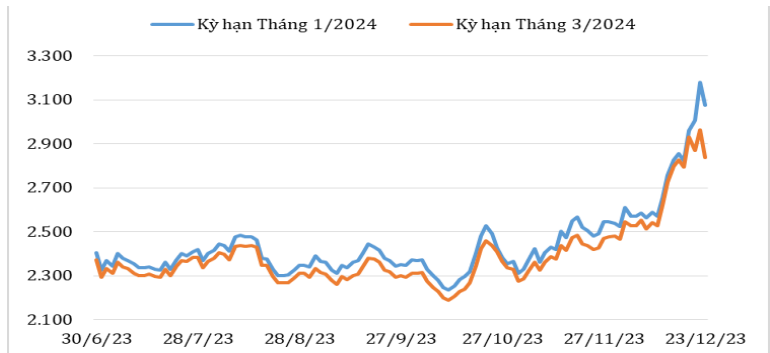
- ▶ Cuối năm 2023, giá cà phê tăng lên mức cao kỷ lục do lo ngại về thiếu hụt nguồn cung.
- ▶ Trong nước, giá cà phê Robusta tăng rất mạnh, tăng 9.100 – 9.400 đồng/kg, lên mức 67.200 – 68.000 đồng/kg.
- ▶ Năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm về lượng, nhưng tăng về trị giá so với năm 2022.
- ▶ Nhập khẩu cà phê của EU và Nhật Bản năm 2023 có xu hướng giảm, nhưng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Cuối năm 2023, giá cà phê thế giới liên tục tăng và ghi nhận mức cao kỷ lục do lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ các nước sản xuất hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, mối lo nguồn cung bị chậm khi tuyến vận tải hàng hải Âu – Á qua kênh đào Suez bị gián đoạn.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 27/12/2023, hoạt động giao dịch cà phê Robusta trên sàn ICE Futures Europe vẫn tạm ngưng do nghỉ lễ Giáng sinh. Chốt phiên giao dịch ngày 23/12/2023, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 1/2024, tháng 3/2024, tháng 5/2024 và tháng 7/2024 tăng lần lượt 21,9%, 15%, 13,6% và 12,8% so với ngày 30/11/2023, lên mức 3.075 USD/tấn; 2.837 USD/tấn; 2.766 USD/tấn và 2.704 USD/tấn.

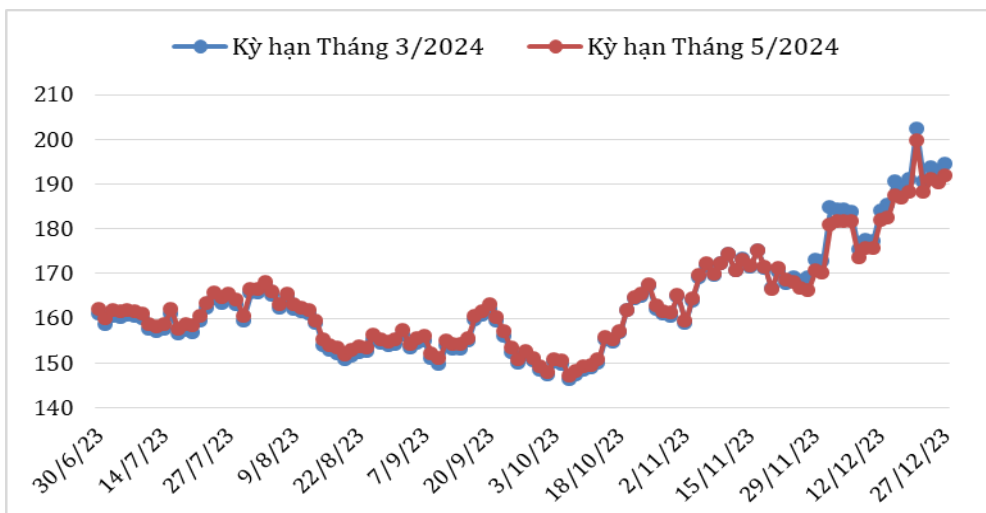
Diễn biến giá cà phê Robusta trên sàn giao dịch London từ cuối tháng 6/2023 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 27/12/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2024, tháng 5/2024, tháng 7/2024 và tháng 9/2024 tăng lần lượt 12,5%, 12,9%, 12,6% và 12,4% so với ngày 30/11/2023, lên mức 194,35 Uscent/lb, 191,95 Uscent/lb, 192 Uscent/lb và 192,65 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 6/2023 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 27/12/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2024, tháng 5/2024 tăng lần lượt 14,1% và 13,9% so với ngày 30/11/2023, cùng đạt mức 238,45 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 9/2024 tăng 13,3% so với ngày 30/11/2023, lên mức 231,34 Uscent/lb.

Năm 2024, có nhiều thông tin trái chiều tác động đến giá cà phê toàn cầu. Quý I/2024, giá cà phê Robusta và Arabica sẽ duy trì ở mức cao do lo ngại nguồn cung thiếu hụt, tồn kho thấp nhất trong 12 năm trở lại đây. Trong báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), ước tính tồn kho cà phê Robusta thế giới trong niên vụ 2023/2024 đạt 26,5 triệu bao (loại 60kg), giảm 16,7% so với báo cáo trước đó và giảm 4% so với ước tính niên vụ 2022/2023.

Tuy nhiên, đà tăng của giá cà phê thế giới sẽ chậm lại hoặc quay đầu giảm trong nửa cuối năm 2024. Trong báo cáo mới nhất của Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO), dự báo sản lượng cà phê toàn cầu

trong niên vụ 2023/2024 sẽ tăng 5,8% so với niên vụ 2022/2023, lên 178 triệu bao (60 kg/bao), trong đó sản lượng Arabica tăng 8,7% lên 102,2 triệu bao và Robusta tăng 2,2% lên 75,8 triệu bao. Sản lượng tại Bra-xin tiếp tục phục hồi sau tác động của đợt sương giá vào tháng 7/2021, nhưng điều kiện thời tiết bất lợi sẽ tác động tiêu cực đến triển vọng niên vụ cà phê 2023/2024. Hiện tượng El Nino được dự báo sẽ làm giảm triển vọng nguồn cung ở khu vực châu Á, đặc biệt là tại In-đô-nê-xi-a. ICO cũng dự báo tiêu thụ cà phê thế giới sẽ tăng 2,2% lên 177 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Trong đó, nhu cầu từ các nước không sản xuất cà phê tăng trưởng dự kiến khoảng 2,1%. ICO lưu ý, triển vọng tiêu thụ cà phê thế giới niên vụ 2023/2024 hiện được ước tính dựa trên giả định nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trên 3% và thị trường sẽ phản ứng tích cực trước tình trạng hàng tồn kho giảm mạnh.

Như vậy, sau hai niên vụ thâm hụt niên tiếp, cán cân cung - cầu cà phê niên vụ 2023/2024 dự kiến sẽ thặng dư khoảng 1 triệu bao.

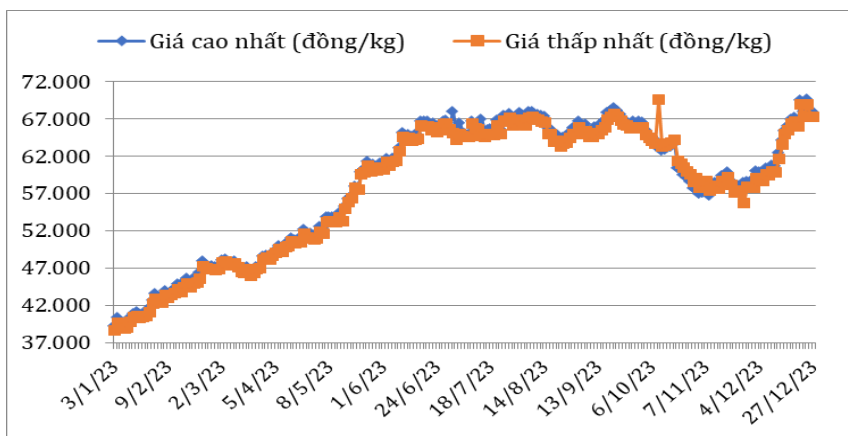


TRONG NƯỚC: GIÁ TĂNG TỪ 9.100 – 9.400 ĐỒNG/KG

Năm 2023, giá cà phê Robusta trong nước biến động mạnh. Trong gần 5 tháng đầu năm 2023, giá duy trì ở mức dưới 60.000 đồng/kg, sau đó có xu hướng tăng. Thời điểm cuối năm 2023, giá cà phê ghi nhận mức cao kỷ lục.

Ngày 27/12/2023, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng từ 9.100 - 9.400 đồng/kg so với ngày 30/11/2023, lên mức 67.200 đồng/kg tại tỉnh Lâm Đồng; 67.800 đồng/kg tại tỉnh Gia Lai và 68.000 đồng/kg tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa năm 2023



Nguồn: giacaphe.com

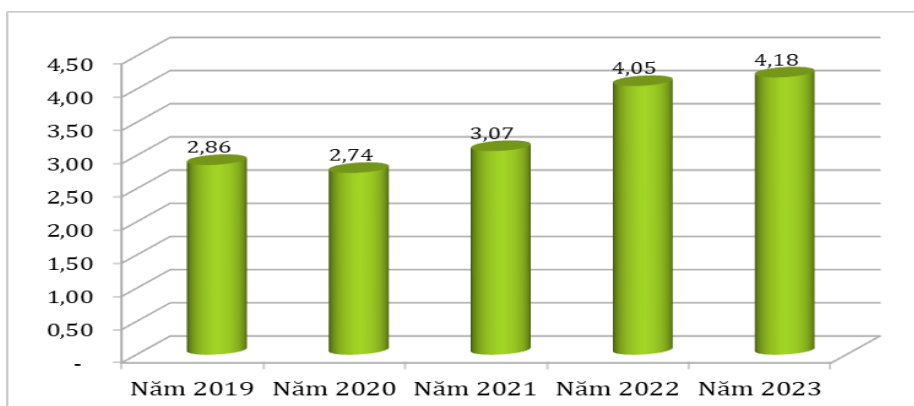
NĂM 2023, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM GIẢM VỀ LƯỢNG, NHƯNG TĂNG VỀ TRỊ GIÁ SO VỚI NĂM 2022

Năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam được hưởng lợi nhờ giá cà phê Robusta tăng mạnh. Thời điểm cuối năm, giá cà phê Robusta trên thế giới chạm đỉnh 28 năm do lo tồn kho ở mức thấp và tình trạng hạn chế bán ra. Theo ước tính, xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2023 đạt xấp xỉ 1,61 triệu tấn, trị giá 4,18 tỷ USD, giảm 9,6% về lượng, nhưng tăng 3,1% về trị giá so với năm 2022. Giá xuất khẩu bình quân cà phê năm 2023 đạt mức 2.834 USD/tấn, tăng 14,1% so với năm 2022.

Dự báo năm 2024, ngành cà phê Việt Nam sẽ

tiếp tục được hưởng lợi nhờ giá cà phê Robusta sẽ duy trì ở mức cao, thậm chí có thể lập đỉnh do lo ngại thiếu hụt nguồn cung. Theo Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam, niên vụ 2023/2024, sản lượng cà phê của Việt Nam dự kiến sẽ giảm xuống 1,6 – 1,7 triệu tấn, thấp hơn so với 1,78 triệu tấn niên vụ 2022/2023. Năm 2024, ngành cà phê Việt Nam chú trọng nhiều giải pháp cho việc phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc, đặc biệt là việc đáp ứng quy định chống mất rừng EUDR của EU. Đây sẽ là một trong những yếu tố giúp ngành cà phê Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường EU.

Trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan; Số liệu ước tính năm 2023

Khu vực xuất khẩu

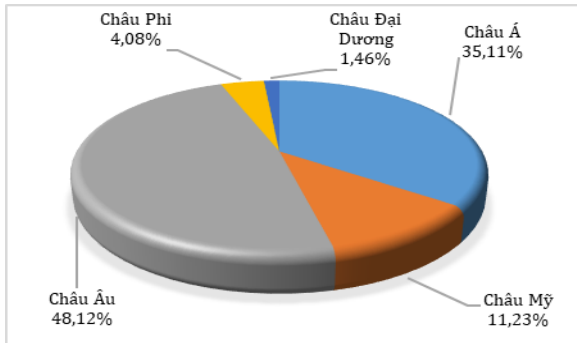
Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang châu Á, châu Mỹ và châu Phi tăng, nhưng sang châu Âu và châu Đại Dương giảm. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang châu Á, châu Phi tăng lần lượt từ 35,11% và 4,08% trong

11 tháng năm 2022 lên 37,72% và 5,57% trong 11 tháng năm 2023. Ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang châu Âu và châu Đại Dương giảm từ 48,12% và 1,46% trong 11 tháng năm 2022 xuống còn 44,29% và 1,20% trong 11 tháng năm 2023.

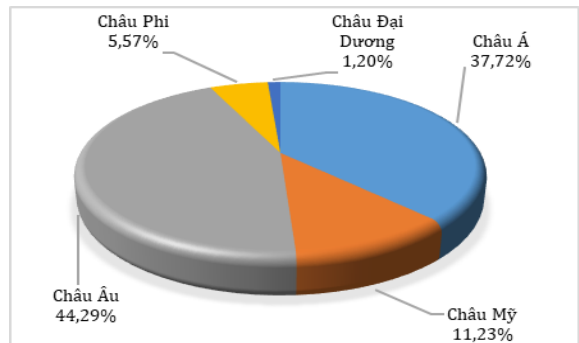
Cơ cấu khu vực xuất khẩu cà phê

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

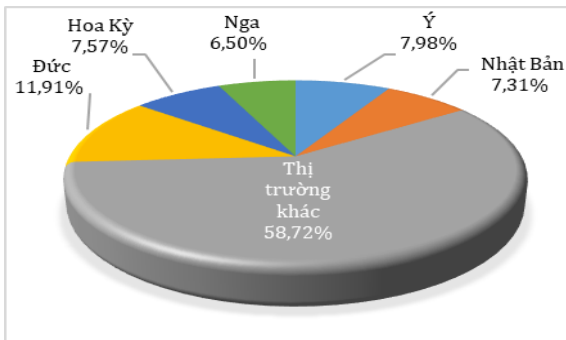
Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang nhiều thị trường truyền thống và tiềm năng tăng, gồm: Ý, Nhật Bản, Tây Ban Nha...

Ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường Đức, Hoa Kỳ, Nga... giảm.

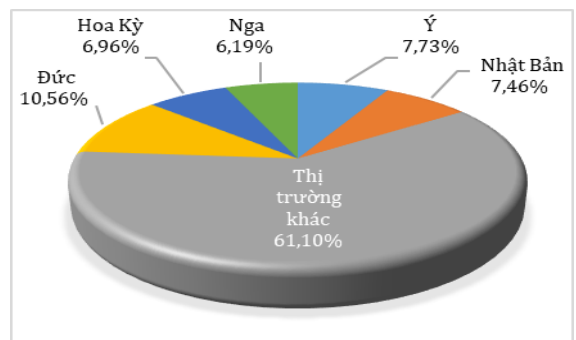
Cơ cấu các thị trường xuất khẩu cà phê

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Chủng loại xuất khẩu

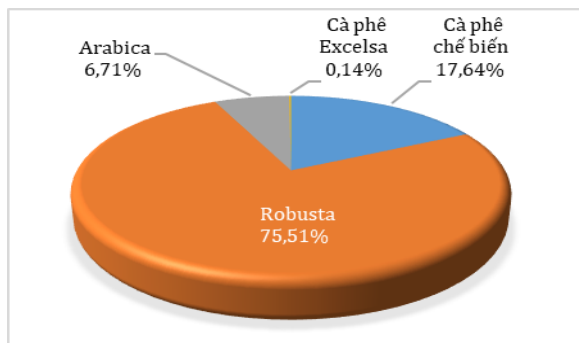
Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê Robusta và chế biến tăng lần lượt 3,7% và 27,2% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 2,71 tỷ USD và

776 triệu USD. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cà phê Arabica và Excelsa giảm lần lượt 37,3% và 5,7%, đạt 145 triệu USD và 5 triệu USD.

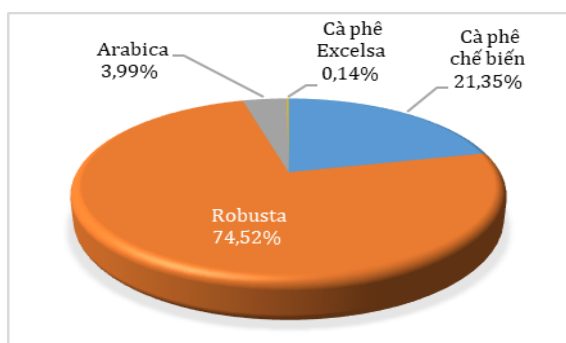
Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với khó khăn do hậu quả kép từ đại dịch Covid-19 và căng thẳng địa chính trị dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát duy trì ở mức cao khiến người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu. Đây được coi là nguyên nhân khiến nhiều nền kinh tế trên thế giới giảm nhập khẩu cà phê.

Theo Eurostat, 9 tháng đầu năm 2023, EU giảm nhập khẩu cà phê từ thế giới, mức giảm 6,8% về lượng và giảm 7,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 3,11 triệu tấn, trị giá 14,51 tỷ EUR (tương đương trên 16 tỷ USD). Tuy nhiên, EU tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, mức tăng 10,8% về lượng và tăng 11% về trị giá, đạt 558,6 nghìn tấn, trị giá 1,28 tỷ EUR (tương đương 1,41 tỷ USD). Thị phần cà phê của Việt Nam chiếm 8,81% tổng kim

ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới. Thị hiếu tiêu dùng cà phê của người dân EU có sự thay đổi và EVFTA giúp ngành cà phê Việt Nam gia tăng giá trị và mở rộng thị phần tại EU trong thời gian tới.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, 9 tháng đầu năm 2023, Nhật Bản giảm nhập khẩu cà phê từ thế giới, mức giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 1,18 tỷ USD. Dù vậy, Nhật Bản tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, mức tăng 5,9%, đạt 204 triệu USD, thị phần chiếm 17,22% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Từ số liệu phân tích trên có thể thấy, ngành cà phê Việt Nam được hưởng lợi nhờ thị hiếu tiêu dùng cà phê trên thế giới có sự chuyển dịch sang cà phê Robusta có giá thành thấp hơn.

5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn trong 10 tháng năm 2023 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2023 (Triệu USD)		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam trong các tháng năm 2023 (%)	
	9 tháng	Tháng 10	9 tháng	Tháng 10	9 tháng	Tháng 10
EU*	16.010	-	-7,5		8,81	
Hoa Kỳ	6.340	595	-12,3	-29,6	4,79	2,99
Nhật Bản	1.185	-	-14,1		17,22	
Ca-na-đa	1.297	-	-9,3		1,58	
Anh	983	-	-3,8		9,52	

Nguồn: Số liệu tính toán từ: Eurostat. Tỷ giá 1 EUR = 1,103 USD; Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Trung tâm Thương mại Quốc tế.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Cuối năm 2023, giá hạt tiêu xuất khẩu biến động không đồng nhất tại các nước sản xuất.
- ▶ Trong nước, giá hạt tiêu đen tăng mạnh, mức tăng từ 9.500 – 12.500 đồng/kg (tùy từng khu vực sản xuất)
- ▶ Xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam năm 2023 tăng về lượng, nhưng giảm về trị giá so với năm 2022.
- ▶ Năm 2023, hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới giảm nhập khẩu hạt tiêu. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam chiếm 40,1% tổng lượng và 32,23% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới trong 9 tháng đầu năm 2023. Thị phần hạt của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 72,51% trong 10 tháng năm 2022 lên 74,01% trong 10 tháng năm 2023.



THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Cuối năm 2023, giá hạt tiêu xuất khẩu tại các nước sản xuất trên thế giới biến động không đồng nhất, giảm tại In-đô-nê-xi-a, ổn định tại Ma-lai-xi-a, nhưng tăng mạnh tại Bra-xin và Việt Nam.

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 27/12/2023, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 93 USD/tấn so với cuối tháng 11/2023, xuống còn 3.893 USD/tấn. Tại cảng Muntok của In-đô-nê-xi-a, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm 80 USD/tấn so với cuối tháng 11/2023, xuống còn 6.110 USD/tấn.

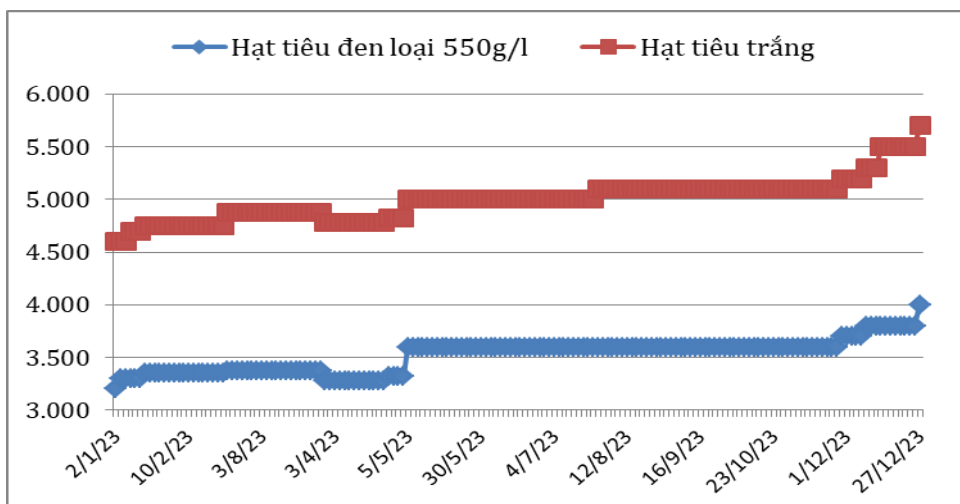
+ Tại Ma-lai-xi-a, ngày 27/12/2023, giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu ổn định so với cuối

tháng 11/2023, lần lượt ở mức 4.900 USD/tấn và 7.300 USD/tấn.

+ Tại Bra-xin, ngày 27/12/2023, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 270 USD/tấn so với cuối tháng 11/2023, lên mức 3.270 USD/tấn.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27/12/2023, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu cùng tăng 300 USD/tấn so với cuối tháng 11/2023, lên mức 3.900 USD/tấn và 4.000 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 500 USD/tấn so với cuối tháng 11/2023, lên mức 5.700 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

Dự báo năm 2024, giá hạt tiêu thế giới nhìn chung sẽ cao hơn so với năm 2023. Mặc dù nền kinh tế thế giới còn nhiều rủi ro, nhưng sản lượng hạt tiêu của Việt Nam, Bra-xin, Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a dự kiến sẽ giảm. Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam dự báo sản lượng hạt tiêu toàn cầu niên

vụ 2023/2024 sẽ giảm do sản lượng từ các nước sản xuất hạt tiêu ước tính giảm. Theo đó, ước tính sản lượng hạt tiêu năm 2024 của Việt Nam sẽ giảm khoảng 10-15% xuống còn 160.000-165.000 tấn; Ấn Độ giảm 20%, In-đô-nê-xi-a giảm 20-30% và Bra-xin giảm 15%.

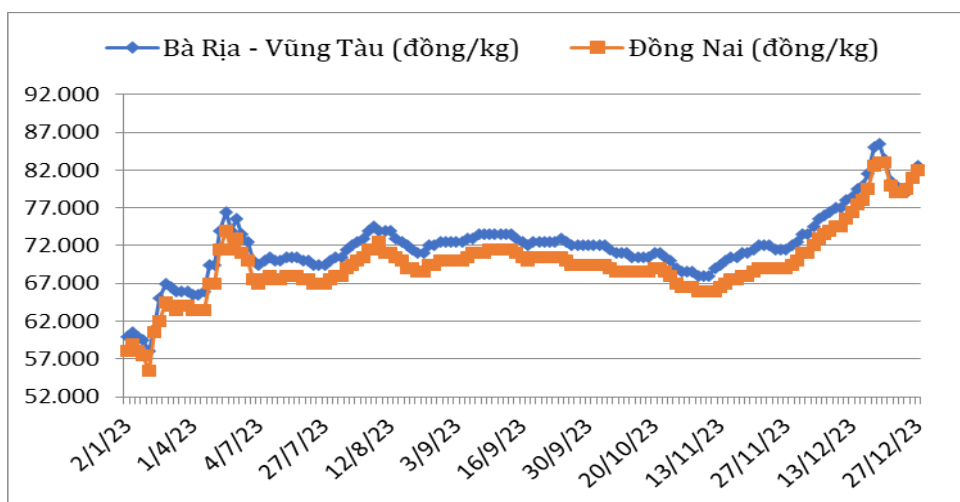
TRONG NƯỚC: GIÁ TĂNG MẠNH TỪ 9.500 – 12.500 ĐỒNG/KG

Cuối năm 2023, giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước tăng mạnh do giới đầu cơ đẩy mạnh việc mua vào trong bối cảnh nguồn cung hạn chế. Dù vậy, đà tăng của giá hạt tiêu được dự báo sẽ chậm lại do doanh nghiệp mua hàng cầm chừng để chế biến.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/12/2023, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa tăng từ 9.500 – 12.500 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát).

Cụ thể, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giá tăng 9.500 đồng/kg, lên mức 82.500 đồng/kg; tại tỉnh Gia Lai, giá tăng 11.000 đồng/kg, lên mức 81.500 đồng/kg; tại các tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, giá cùng tăng 11.500 đồng/kg, lên mức 82.000 – 85.000 đồng/kg; tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, giá cùng tăng 12.500 đồng/kg lên mức 84.500 đồng/kg. Giá hạt tiêu trắng ở mức 112.000 đồng/kg, cao hơn nhiều so với mức 93.000 đồng/kg cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước năm 2023



Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam

NĂM 2023, XUẤT KHẨU HẠT TIÊU TĂNG VỀ LƯỢNG, NHƯNG GIẢM VỀ TRỊ GIÁ SO VỚI NĂM 2022

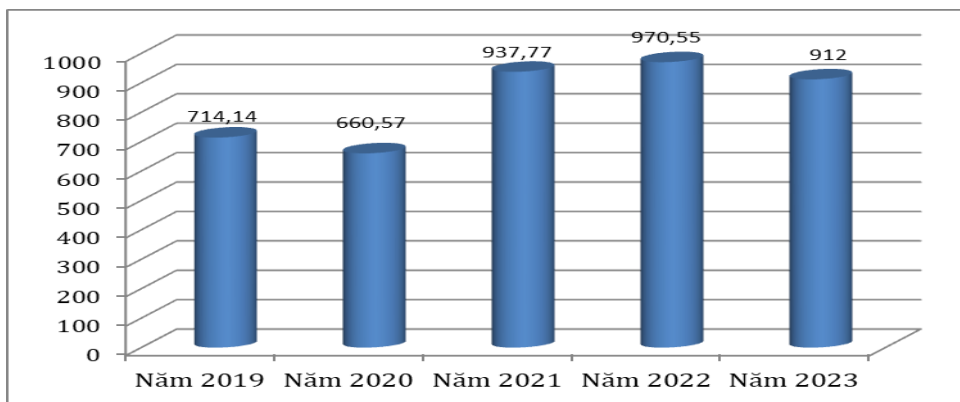
Năm 2023, ngành hạt tiêu Việt Nam đối mặt với khó khăn do nhu cầu tiêu thụ thấp. Tình hình kinh tế suy thoái, lạm phát duy trì ở mức cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài, thị trường tài chính toàn cầu có sự biến động mạnh đã có những tác động đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa nói chung và hạt tiêu nói riêng. Kết thúc năm 2023, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam tăng về lượng, nhưng giảm về trị giá (do giá xuất khẩu giảm) so với năm 2022.

Theo ước tính, năm 2023, Việt Nam xuất khẩu hạt tiêu đạt 267 nghìn tấn, trị giá 912 triệu USD, tăng 16,6% về lượng, nhưng giảm 6,0% về trị giá so với năm 2022. Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu

của Việt Nam đạt khoảng 3.420 USD/tấn trong năm 2023, giảm 19,4% so với năm 2022.

Dự báo xuất khẩu hạt tiêu năm 2024 sẽ thuận lợi về lượng và giá do sản lượng giảm. Lượng tồn kho hạt tiêu năm 2023 chuyển sang năm 2024 sẽ thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Trong khi theo đánh giá chung của các doanh nghiệp, vụ tiêu năm 2024 sẽ giảm khoảng 10-15%, với sản lượng thu hoạch dự kiến ước đạt 160.000-165.000 ngàn tấn. Kể từ cuối tháng 12/2023, Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC) đã 2 lần điều chỉnh tăng giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam với tổng mức tăng là 200 USD/tấn.

Trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023
(ĐVT: Triệu USD)



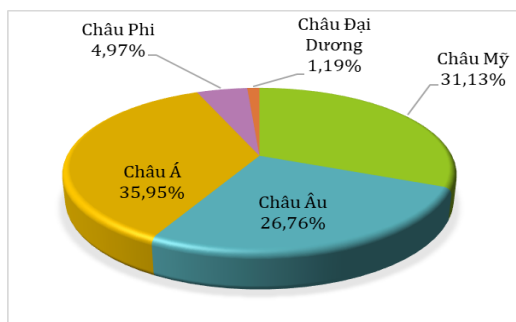
Nguồn: Tổng cục Hải quan; Số liệu ước tính năm 2023

Về khu vực xuất khẩu

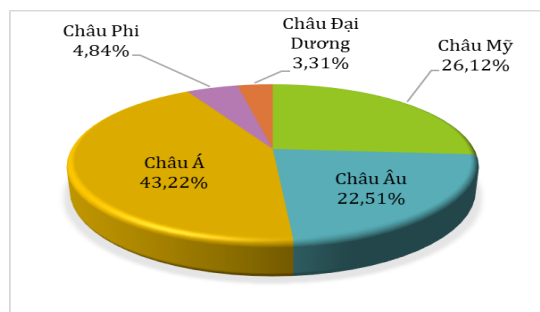
Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang khu vực châu Âu, châu Mỹ và châu Phi giảm lần lượt 22%, 22,2% và 9,7% so với cùng kỳ năm 2022. Ngược lại, xuất khẩu sang châu Á và châu Đại dương tăng lần lượt 11,4% và 157,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu khu vực xuất khẩu hạt tiêu (Tỷ trọng tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

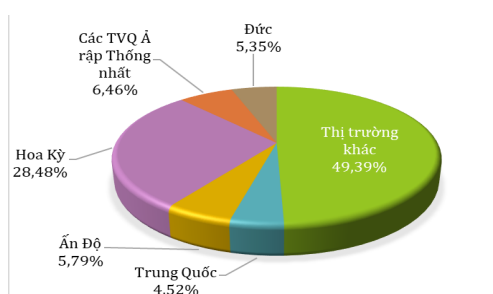
Về cơ cấu thị trường

Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết thị trường truyền thống và tiềm năng giảm so với cùng kỳ năm 2022, gồm: Hoa Kỳ, Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống

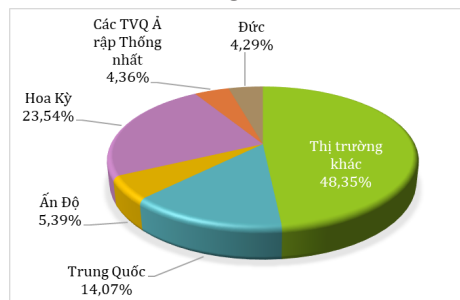
nhất, Đức... Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc tăng tới 188,2%, đạt 117 triệu USD. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang Pa-pu-a Niu Ghi-nê tăng trưởng 4 con số.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt tiêu (Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



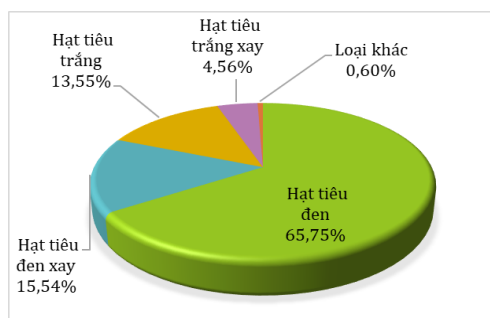
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại

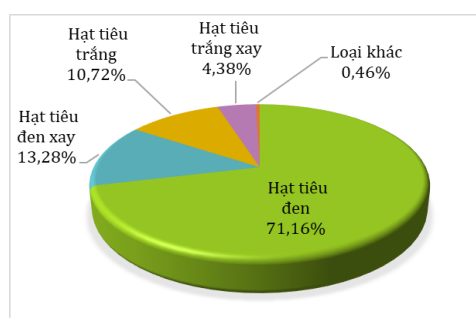
Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các chủng loại hạt tiêu giảm so với cùng kỳ năm 2022, ngoại trừ hạt tiêu đen tăng nhẹ 0,3%.

Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu (Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2023, nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu tại các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, EU giảm. Nguyên nhân là do hậu quả kép từ đại dịch Covid-19, căng thẳng địa chính trị dẫn đến lạm phát duy trì ở mức cao, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu dẫn đến nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu giảm.

Tại EU: Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 9 tháng đầu năm 2023, Liên minh châu Âu nhập khẩu hạt tiêu từ thế giới đạt 65,45 nghìn tấn, trị giá 324,41 triệu EUR (tương đương 357,8 triệu USD), giảm 13,8% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Mức sụt giảm này được cho là sẽ diễn ra trong ngắn hạn do ảnh hưởng của nền kinh tế suy yếu, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao và căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu tiếp tục leo thang. Khi nền kinh tế EU phục hồi trở lại sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu tăng. Trong đó, EU nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam đạt 26,26 nghìn tấn, trị giá 104,54 triệu EUR (tương đương 115,62 triệu USD), giảm 9,9% về lượng và giảm 26,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần hạt tiêu

của Việt Nam chiếm 40,1% tổng lượng và 32,23% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới trong 9 tháng đầu năm 2023.

Tại Hoa Kỳ: Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 9 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt tiêu từ thế giới 234,7 triệu USD, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm 2022. Dù vậy, nhập khẩu hạt tiêu của Hoa Kỳ có dấu hiệu tăng trong các tháng cuối năm 2023. Tính riêng tháng 10/2023, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt tiêu từ thế giới so với tháng trước, mức tăng 24,8% về lượng và tăng 17,2% về trị giá, đạt gần 6 nghìn tấn, trị giá 26,6 triệu USD.

Hiện Việt Nam giữ vị trí nguồn cung hạt tiêu lớn nhất tại Hoa Kỳ. Trong 10 tháng năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam đạt 193,41 triệu USD, giảm 29,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù vậy, thị phần hạt của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ thế giới tăng từ 72,51% trong 10 tháng năm 2022 lên 74,01% trong 10 tháng năm 2023.

5 thị trường nhập khẩu hạt tiêu lớn trên thế giới và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2023 (Triệu USD)			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam trong các tháng 2023 (%)		
	9 tháng	Tháng 10	Tháng 11	9 tháng	Tháng 10	Tháng 11	9 tháng	Tháng 10	Tháng 11
EU	357,8			-17,9			32,23		
Hoa Kỳ	234,7	26,6		-31,8	-25,2		74,82	66,89	
Nhật Bản	45,6			-23,4			27,01		
Anh	44,8			-18,2			50,24		
Trung Quốc	29,4	4,2	2,6	-13,4	78,2	-23,2	32,00	18,59	43,89

Nguồn: Tính toán từ Eurostat. Tỷ giá 1 EUR = 1,103 USD; Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; ITC

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ 11 tháng năm 2023, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 221,2 nghìn tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Xuất khẩu chè của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023 đạt 336 nghìn tấn, trị giá 1,6 tỷ USD, giảm 0,1% về lượng và giảm 12,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Năm 2023, xuất khẩu chè của Việt Nam ước đạt 121 nghìn tấn, trị giá 211 triệu USD, giảm 16,9% về lượng và giảm 10,9% về trị giá so với năm 2022.
- ▶ Thị phần chè của Việt Nam giảm trong tổng trị giá nhập khẩu chè của các thị trường chính như EU, Pa-ki-xtan, Hoa Kỳ, Anh, nhưng tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Hồng Kông.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Dẫn nguồn teasrilanka.org, trong tháng 11/2023 xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 21,46 nghìn tấn, tăng 11,3% so với tháng 11/2022. Hầu hết các chủng loại chè đều có sự cải thiện đáng kể trong tháng 11/2023. Giá chè xuất khẩu bình quân trong tháng 10/2023 đạt 1.725,8 Rs, giảm 13,4% so với tháng 11/2022.

Tính chung 11 tháng năm 2023, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 221,2 nghìn tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chủng loại chè túi lọc và chè xanh ghi nhận mức tăng trưởng so với năm 2022, trong khi các chủng loại khác giảm.

Giá chè xuất khẩu bình quân đạt 1.772,4 Rs, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 11 tháng năm 2023, Xri Lan-ca xuất khẩu chè nhiều nhất tới thị trường I-rắc, tuy nhiên trị giá xuất khẩu tới thị trường này giảm đáng kể, đạt 30,5 nghìn tấn, giảm 25,6% so với cùng kỳ năm 2022; trong khi đó xuất khẩu chè tới thị trường Thổ Nhĩ Kỳ đạt 28,2 nghìn tấn, tăng 108,9%.

Trung Quốc: Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu chè của Trung Quốc trong 11

tháng năm 2023 đạt 336 nghìn tấn, trị giá 1,6 tỷ USD, giảm 0,1% về lượng và giảm 12,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Giá chè xuất khẩu bình quân trong 11 tháng năm 2023 đạt 4.786,2 USD/tấn, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Trung Quốc xuất khẩu chè nhiều nhất tới thị trường Ma-rốc trong 11 tháng năm 2023, đạt 54 nghìn tấn, trị giá 170,8 triệu USD, giảm 22,4% về lượng và giảm 22,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Ga-na đạt 31,5 nghìn tấn, trị giá 127,1 triệu USD, tăng 46,7% về lượng và tăng 36,3% về trị giá; tới U-dơ-bê-ki-xtan đạt 24,4 nghìn tấn, trị giá 46,7 triệu USD, tăng 4,4% về lượng nhưng giảm 5,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Chè xanh là chủng loại xuất khẩu chính của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023, đạt 288,7 nghìn tấn, trị giá 1,15 tỷ USD, tăng 0,8% về lượng, nhưng giảm 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, do giá chè xanh xuất khẩu bình quân đạt 3.970,1 USD/tấn, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

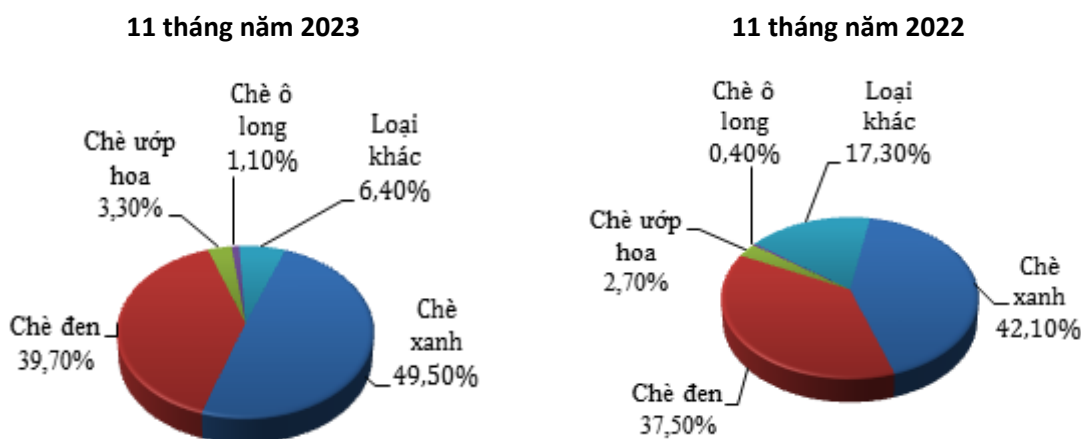
Ước tính, trong quý 4/2023 xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 39,3 nghìn tấn, trị giá 70 triệu USD, tăng 16,7% về lượng và tăng 18,1% về trị giá so với quý 3/2023, giảm 22,1% về lượng nhưng tăng 1,4% về trị giá so với quý 4/2022. Giá chè xuất khẩu bình quân trong quý 4/2023 đạt 1.778,9 USD/tấn, tăng 1,2% so với quý 3/2023 và tăng 30,1% so với quý 4/2022.

Năm 2023, chè xuất khẩu ước đạt 121 nghìn tấn, trị giá 211 triệu USD, giảm 16,9% về lượng và giảm 10,9% về trị giá so với năm 2022. Giá chè xuất khẩu bình quân trong năm 2023 ước đạt 1.737,3 USD/tấn, tăng 7,3% so với năm 2022. Các yếu tố chính khiến hoạt động xuất khẩu chè của Việt Nam giảm đáng kể trong năm 2023 là do nhu cầu thị trường yếu và các quy định nhập khẩu ngày càng khắt khe tại các thị trường xuất khẩu chè chính.

Bên cạnh đó, chủng loại chè xuất khẩu của Việt Nam hiện nay chủ yếu ở dạng thô, hàm lượng chế biến thấp.

Hầu hết các mặt hàng chè xuất khẩu đều có xu hướng giảm trong 11 tháng năm 2023, dẫn đầu về lượng và trị giá là chủng loại chè xanh đạt 52,6 nghìn tấn, trị giá 104 triệu USD, giảm 6,9% về lượng và giảm 1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là chủng loại chè đen đạt 42,2 nghìn tấn, trị giá 57,2 triệu USD, giảm 16,1% về lượng và giảm 18,4% về trị giá; chè ướp hoa đạt 3,5 nghìn tấn, trị giá 7,3 triệu USD, giảm 4,7% về lượng nhưng tăng 6,7% về trị giá. Đáng chú ý, xuất khẩu chè ô long đạt 1,1 nghìn tấn, trị giá 3,5 triệu USD, tăng 101,8% về lượng và tăng 106,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu chủng loại chè xuất khẩu (Tỷ trọng % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ LỚN TRÊN THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Hầu hết trị giá nhập khẩu chè tại các thị trường lớn trên thế giới từ Việt Nam đều chiếm tỷ trọng thấp. Do đó, dù nhu cầu thị trường yếu thì ngành chè của Việt Nam vẫn có cơ hội mở rộng thị phần. Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường lớn trên thế giới, ngành chè Việt Nam phải đẩy mạnh sản xuất chè theo hướng an toàn; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất chè ứng dụng công nghệ cao, sinh học, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ người trồng chè liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm chè; đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm có giá trị cao và sản phẩm mới...

Đối với thị trường EU, do điều kiện khí hậu, ở EU không sản xuất chè, EU hoàn toàn phụ thuộc vào việc nhập khẩu sản phẩm này từ các nước khác, do đó EU là thị trường nhập khẩu chè lớn nhất trên toàn cầu. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu chè của EU đạt 826 triệu USD, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó trị giá nhập khẩu chè của EU từ Việt Nam chỉ chiếm 0,22% tổng trị giá nhập khẩu. EU là thị trường rất tiềm năng, nhất là từ khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) được thực thi. Theo đó, chè là một trong những mặt hàng được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, mang lại lợi thế cạnh tranh lớn cho ngành chè của Việt

Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu chè sang EU vẫn chưa được như kỳ vọng, do các biện pháp phi thuế quan như biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) hay các rào cản kỹ thuật với thương mại (TBT) vẫn là thách thức đối với các mặt hàng nông sản, trong đó có chè. Do đó, để tận dụng hiệu quả lợi thế về thuế quan từ Hiệp định EVFTA, đồng thời vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường này, ngành chè cần tiếp tục thay đổi các phương thức sản xuất, trồng và thu hoạch theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, hướng đến các tiêu chí sản xuất xanh, bền vững để đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch nghiêm ngặt.

Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Pa-ki-tan. Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội chè Pa-ki-tan, trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu chè vào thị trường này đạt 507 triệu USD, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tình hình kinh tế của Pa-ki-tan đối mặt với nhiều khó khăn, khiến nhu cầu tiêu thụ nội địa giảm. Trong cơ cấu thị trường cung cấp, trị giá nhập khẩu của Pa-ki-tan từ Việt Nam chỉ chiếm 1,23% tổng trị giá nhập khẩu, vẫn còn rất thấp so với nhu cầu của thị trường, vì vậy cơ hội để tăng thị phần vẫn còn để ngỏ. Tuy nhiên, Pa-ki-tan đang siết chặt các thủ tục kiểm tra chất lượng chè nhập khẩu từ Việt Nam, do đó, các doanh nghiệp cần chú ý đến vấn đề an toàn sản phẩm để giữ vững thị trường truyền thống này.

Ngoài ra, các thị trường nhập khẩu chè như Hoa Kỳ, Anh và thị trường Hồng Kông cũng rất tiềm năng để các doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt

Nam mở rộng thị phần.

Đối với thị trường Hoa Kỳ, doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu chè cần đầu tư sâu hơn nữa vào phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chè, đặc biệt là quan tâm sát sao đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý tìm hiểu và cập nhật quy định của Hoa Kỳ, đặc biệt các quy định có ảnh hưởng đến việc tiếp cận thị trường như quy định về phòng vệ thương mại, vệ sinh phòng dịch, tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ hoặc các quy định liên quan đến tiêu chuẩn sử dụng lao động...

Anh vốn là thị trường có những tiêu chuẩn khắt khe đối với hàng hoá nhập khẩu, nhất là đối với các mặt hàng nông sản. Đối với mặt hàng chè Anh luôn quan tâm đến tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững. Trong đó, nông sản nhập khẩu chỉ được phép thông quan nếu có mức dư lượng hoá chất dưới ngưỡng tối đa cho phép. Để đảm bảo chất lượng cho sản phẩm, cần nâng cao nhận thức đối với người sản xuất trong việc hạn chế sử dụng phân bón và hoá chất, quy trình canh tác phải thể hiện trách nhiệm với xã hội, người tiêu dùng.

Xuất khẩu chè vào thị trường Hồng Kông doanh nghiệp cần lưu ý, yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm tại Hồng Kông rất cao, hệ thống cảnh báo nhanh, công tác hậu kiểm và quy định về nhãn mác nghiêm ngặt. Do đó, doanh nghiệp phải rất cẩn trọng trong quy trình sản xuất, chế biến và áp dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm.

5 thị trường nhập khẩu chè lớn trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam

Thị trường	9 tháng năm 2023		Các tháng tiếp theo năm 2023 (triệu USD)			Lũy kế so với năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam lũy kế (%)	
	Tổng nhập khẩu (Triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	T10	T11	Lũy kế		Năm 2023	Năm 2022
EU	826	0,22			826	-8,6	0,22	0,28
Pa-ki-tan	408	1,27	48	51	507	-7,2	1,23	1,29
Hoa Kỳ	366	1,37	49		415	-5,5	1,44	1,91
Anh	231	0,29			231	-22,6	0,29	0,41
Hồng Kông	136	0,10	18		154	-16,5	0,10	0,00

Nguồn: Eurostat, Hiệp hội chè Pa-ki-tan, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, ITC;

Cơ quan thống kê Hồng Kông

Tỷ giá Eur = 1,09 USD; tỷ giá 1 USD = 7,81 HKD)

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Trong năm 2023, ngành chăn nuôi lợn thế giới gặp nhiều thách thức do nguồn cung dồi dào, nhu cầu giảm khiến giá lợn có xu hướng giảm kể từ đầu tháng 7/2023 đến nay.
- ▶ Năm 2024, ngành chăn nuôi Việt Nam đặt mục tiêu tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 7,89 triệu tấn, tăng 3,8% so với năm 2023; sản lượng thịt lợn hơi đạt trên 4,87 triệu tấn tăng 4%; sản lượng thịt gia cầm đạt trên 2,31 triệu tấn tăng 3,1% so với năm 2023...
- ▶ Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 22,4% về lượng và tăng 36,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; nhập khẩu tăng 6,1% về lượng, nhưng giảm 3,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.



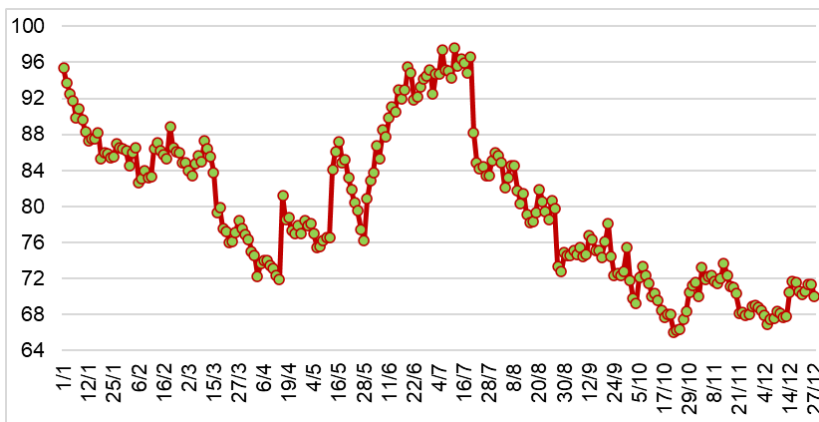
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong năm 2023, ngành chăn nuôi lợn thế giới gặp nhiều thách thức. Tốc độ giảm đàn lợn diễn ra ở nhiều quốc gia; giá thịt lợn từ đầu tháng 7/2023 đến nay liên tiếp giảm do nhu cầu nhập khẩu ở các nước châu Á chậm, trong khi nguồn cung ở một số nhà xuất khẩu dồi dào. Tại Trung Quốc, giá lợn hơi giảm do nguồn cung dồi dào, trong khi nhu cầu duy trì ở mức thấp, bất chấp các dịp nghỉ lễ đang đến gần. Các nhà sản xuất lợn Trung Quốc hầu

như không kiếm được lợi nhuận trong năm nay, với nguồn cung cao hơn đáng kể so với một năm trước, trong khi nhu cầu duy trì ảm đạm.

Trong tháng 12/2023, xu hướng giảm giá tiếp tục diễn ra trong 15 ngày đầu tháng, sau đó tăng nhẹ trở lại. Ngày 27/12/2023, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần ở mức 69,98 UScent/lb, tăng 1,7% so với cuối tháng 11/2023, nhưng vẫn giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá lợn nạc tại Hoa Kỳ từ đầu năm 2023 đến nay
(ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com

Tại Trung Quốc, nguồn cung lợn dồi dào và mức tiêu thụ thấp do nền kinh tế chậm lại, khiến thị trường thịt lợn chịu áp lực, bất chấp nhu cầu cao điểm trong mùa Đông. Lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc đang có xu hướng chậm lại trong mấy tháng gần đây do nhu cầu yếu. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,45 triệu tấn thịt lợn (HS 0203), với trị giá 3,3 tỷ USD, giảm 6,1% về lượng và giảm 1,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023 gồm: Bra-xin, Tây Ban Nha, Ca-na-đa, Hoa Kỳ, Hà Lan, Đan Mạch... Trừ Tây Ban Nha và Đan Mạch, lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng khá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Trung Quốc, chiếm 26,02% trong tổng lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023, với 377,36 nghìn tấn, trị giá 943,26 triệu USD, tăng 0,2% về lượng và tăng 6,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), năm 2024, sản lượng thịt lợn của EU được dự báo đạt khoảng 21,2 triệu tấn, giảm 2% so với năm 2023. Đàn lợn nái của EU giảm trong năm 2023 và được dự báo tiếp tục giảm 1% trong năm 2024, đạt 10,3 triệu con. Trong khi, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc được dự báo giảm 1% trong năm 2024. Trái lại, sản lượng của Bra-xin được dự báo tăng 5%; Sản lượng của Việt Nam được dự báo sẽ tăng 5%, đạt 3,7 triệu tấn.

Năm 2024, xuất khẩu thịt lợn toàn cầu được dự báo đạt 10,4 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2023 do xuất khẩu của Bra-xin tiếp tục tăng tới các thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Me-xi-co. Xuất khẩu của Anh được dự báo sẽ tăng 9% do giá đầu vào thấp hơn, dẫn đến nguồn cung lớn hơn để xuất khẩu sang EU và Trung Quốc. Nhập khẩu thịt lợn toàn cầu được dự báo sẽ tăng 1% vào năm 2024, nhờ nhập khẩu từ thị trường Hồng Kông, Trung Quốc và Nhật Bản tăng, bù đắp cho mức nhập khẩu thấp hơn từ thị trường Đài Loan và Anh.

Trong khi đó, các nhà phân tích của Rabobank dự báo sản lượng thịt lợn của EU sẽ giảm 3% trong năm 2024, mức giảm chậm lại so với hai năm trước. Tỷ suất lợi nhuận tích cực trở lại nhờ giá đạt kỷ lục và chi phí thức ăn giảm đã làm chậm đà giảm của đàn lợn nái tại 8 quốc gia sản xuất lợn chính của EU. Tại Anh, mức tăng trưởng dự kiến ở mức 2% do sản lượng sản xuất cao hơn vào nửa cuối năm 2023. Sản lượng thịt lợn của Bra-xin được dự báo sẽ tăng 3 - 4% vào năm 2024, xuất khẩu thịt lợn của Bra-xin dự đoán sẽ tăng 2-4% nhờ nhập khẩu tăng nhẹ tại Trung Quốc và các nơi khác trong năm 2024. Ngược lại, đàn lợn ở Bắc Mỹ dự kiến sẽ ghi nhận sự giảm nhẹ vào năm tới, do giá lợn tiếp tục giảm trong khi chi phí ngày càng cao. Rabobank dự báo sản lượng thịt lợn ở Bắc Mỹ giảm 0,6%, do sản lượng của Hoa Kỳ và Ca-na-da sụt giảm, tuy nhiên sản lượng thịt lợn của Me-xi-co sẽ tăng 1,6%. Xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng thêm 3% so với năm 2023.

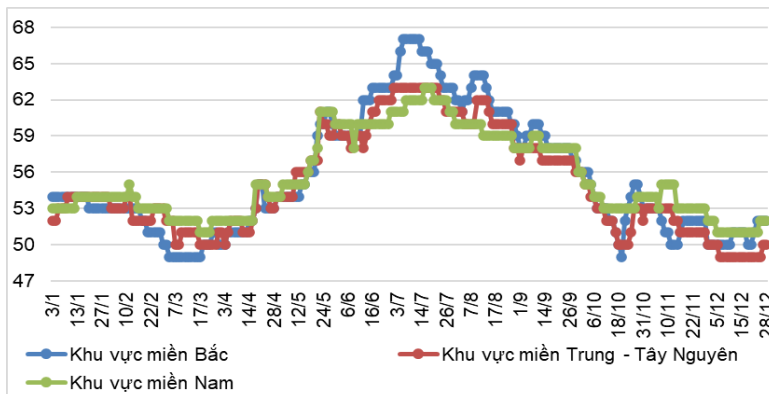


THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Năm 2023, giá lợn hơi khá đồng nhất so với năm 2022 về xu hướng biến động theo tháng kể từ tháng 3 và giá lợn hơi xuất chuồng năm 2023 luôn thấp hơn giá năm 2022 (ngoại trừ tháng 6/2023). Nguyên nhân chính của sự sụt giảm vẫn là sức mua trên thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi. Nhu cầu thực phẩm của người dân giảm nhẹ so với trước đây do thu nhập của người dân bị ảnh hưởng. Sức tiêu thụ thực phẩm của các khu công nghiệp giảm mạnh do nhiều công ty giảm quy mô sản xuất do thiếu đơn đặt hàng. Đến thời điểm này, tình hình chăn nuôi của các doanh nghiệp, trang trại vẫn khá ổn định. Với tỷ lệ đàn lợn hiện có, cơ bản đáp ứng được yêu cầu tiêu thụ thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn của thị trường từ nay đến Tết nguyên đán Giáp Thìn.

Tháng 12/2023, giá lợn hơi trên cả nước biến động nhẹ, giá tăng tại một số tỉnh miền Bắc, trong khi tại miền Trung và miền Nam giá giảm nhẹ, trong bối cảnh sức mua trên thị trường vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Hiện giá khảo sát ở các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 48.000-52.000 đồng/kg. Cụ thể, hiện giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 50.000-52.000 đồng/kg, tăng 1.000-2.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Trong khi đó, giá lợn hơi miền Trung, Tây Nguyên dao động trong khoảng 48.000-50.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Giá lợn hơi tại khu vực miền Nam hiện dao động trong khoảng 48.000-52.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước năm 2023
(ĐVT: nghìn đồng/kg)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

Năm 2023, nhìn chung tình hình chăn nuôi trâu, bò khá ổn định về tổng đàn, không có biến động lớn; chăn nuôi lợn có kết quả tích cực mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn do giá lợn hơi thấp, chi phí đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học và phòng dịch cao, giá thức ăn chăn nuôi theo xu hướng giảm (từ thời điểm tháng 6/2023 đến nay đã có khoảng 6 đợt giảm giá) nhưng chưa đáng kể và vẫn ở mức cao; chăn nuôi gia cầm tiếp tục tăng do khu vực hộ và doanh nghiệp đều phát triển ổn định.

Theo ước tính của Cục Chăn nuôi, năm 2023, tổng đàn lợn cả nước ước đạt 30,3 triệu con, tăng 4,2% so với năm 2022; đàn trâu đạt 2,2 triệu con,

giảm 1,0%; đàn bò đạt 6,4 triệu con tăng 1,0%; đàn gia cầm đạt 558,6 triệu con, tăng 2,6% so với năm 2022. Ước tính năm 2023, tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 7,6 triệu tấn, tăng 3,5% so với năm 2022 (trong đó thịt lợn hơi 4,68 triệu tấn; thịt gia cầm đạt 2,24 triệu tấn; thịt trâu, bò đạt 0,63 triệu tấn và khoảng 50 nghìn tấn thịt dê, cừu các loại).

Năm 2024, ngành chăn nuôi đặt mục tiêu tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 7,89 triệu tấn, tăng 3,8% so với năm 2023; sản lượng thịt lợn hơi đạt trên 4,87 triệu tấn tăng 4%; sản lượng thịt gia cầm đạt trên 2,31 triệu tấn tăng 3,1% so với năm 2023...

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM

Về xuất khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2023, Việt Nam xuất khẩu được 20,3 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 100,26 triệu

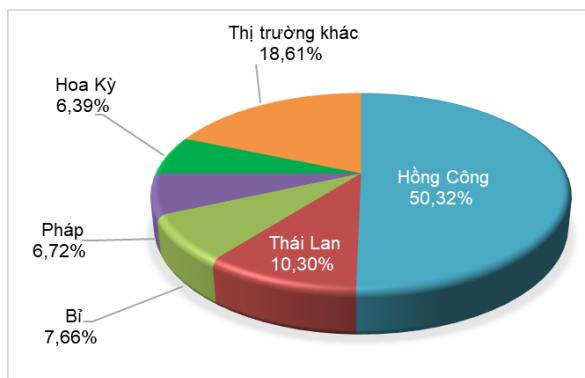
USD, tăng 22,4% về lượng và tăng 36,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường thuộc khu vực châu Á, trong đó xuất khẩu

sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 43,35% về lượng và chiếm 54,54% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước với 8,8 nghìn tấn, trị giá 54,68 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 48,4% về trị giá so với cùng

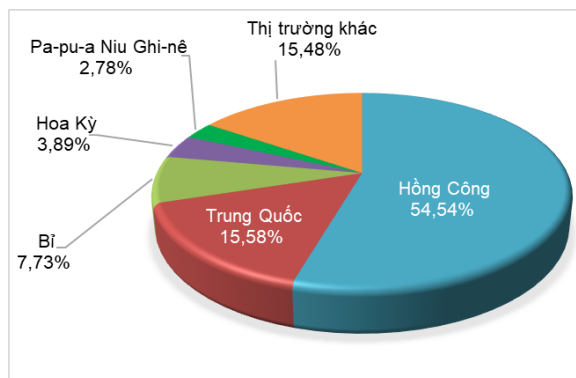
kỳ năm 2022. Thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh, thịt lợn nguyên con đông lạnh...

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2023, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu gồm: Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông, Ma-lai-xi-a, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Lào; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt ếch đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ, Ca-na-da...; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là chân gà đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu

sang Trung Quốc, Pa-pu-a Niu Ghi-nê. Đáng chú ý, trừ thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm, xuất khẩu các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt trên đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh được xuất khẩu nhiều nhất. 11 tháng năm 2023, xuất khẩu thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh đạt 9,9 nghìn tấn, trị giá 57,85 triệu USD, tăng 4,6% về lượng và tăng 29,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông chiếm 87,43% về lượng và chiếm 93,8% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh của cả nước.

Thời gian qua, xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam còn chưa tương xứng với sản lượng sản xuất hàng năm. Hiện nay, lượng thịt lợn xuất khẩu vẫn còn đang quá nhỏ so với tổng sản lượng xuất chuồng. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu vẫn là lợn sữa và lợn choai sang thị trường Hồng Kông mà không phải các sản phẩm có thể sản xuất quy mô lớn như đông lạnh hay thịt tươi.

VỀ NHẬP KHẨU: Nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam tăng trong 11 tháng năm 2023. Thời điểm hiện tại, nguồn cung, giá thịt và các sản phẩm từ thịt vẫn cơ bản ổn định, trong khi nhu cầu chậm. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, 11 tháng năm 2023, Việt Nam nhập khẩu 652,15 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 1,3 tỷ USD, tăng 6,1% về lượng, nhưng giảm 3,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.



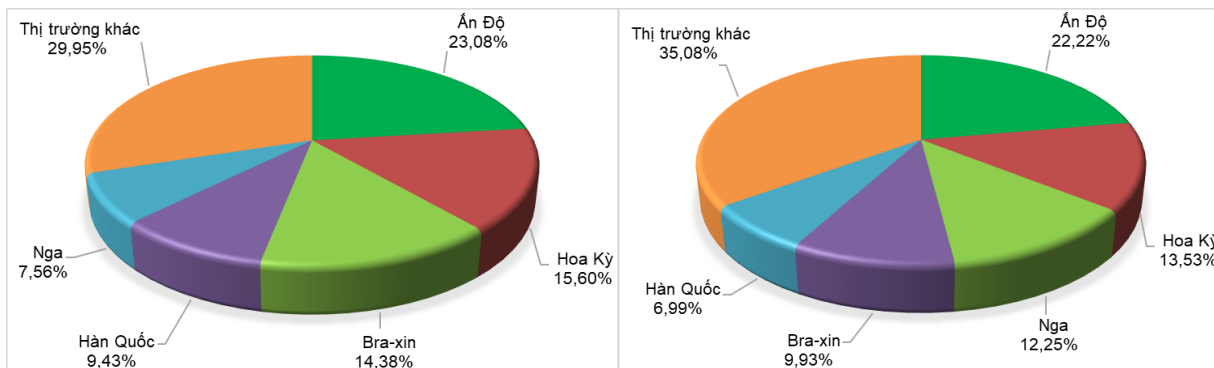
Trong 11 tháng năm 2023, thịt và các sản phẩm từ thịt được nhập khẩu từ 57 thị trường trên thế giới. Trong đó, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nga, Bra-xin và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam. Trong đó, Ấn Độ là thị

trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam với 144,89 nghìn tấn, trị giá 426,93 triệu USD, tăng 2,1% về lượng, nhưng giảm 6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

11 tháng năm 2022

11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong 11 tháng năm 2023, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt lợn tươi đông lạnh; Thịt bò tươi đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt gia cầm, thịt bò có xu hướng giảm; trong khi nhập khẩu thịt trâu, thịt lợn và phụ phẩm sau khi giết mổ của trâu, bò, lợn lại có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Đức, Tây Ban Nha và Ca-na-đa là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam; trừ Nga, nhập khẩu thịt lợn từ các thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong 11 tháng năm 2023, Nga là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam với 43,05 nghìn tấn, trị giá 120,56 triệu USD, tăng 80% về lượng và tăng 95,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

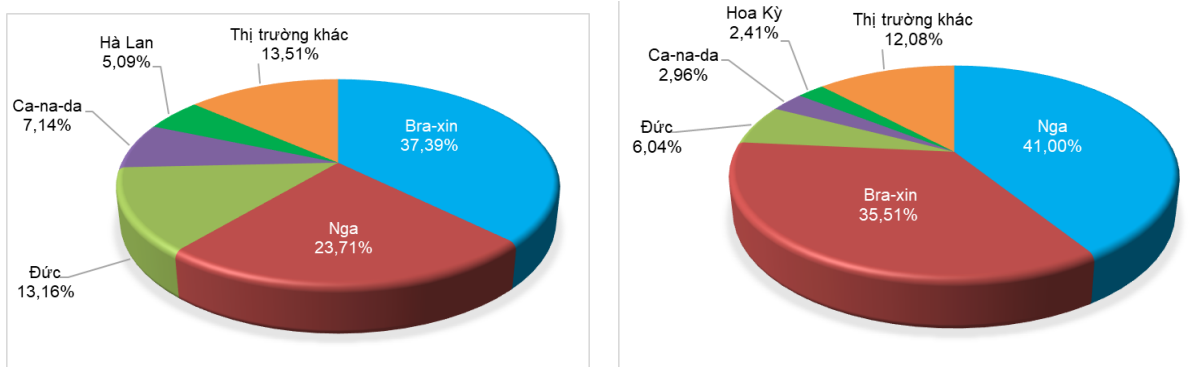
Trong 11 tháng năm 2023, Việt Nam nhập khẩu 105 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203), trị giá 262,36 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 21,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thịt lợn được nhập khẩu từ 30 thị trường trên thế giới. Trong đó, Nga, Bra-xin,

Trong những ngày tới, nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt dự kiến sẽ tăng do nhu cầu thực phẩm trong dịp lễ Tết tăng cao. Tuy nhiên, do nguồn cung thịt của Việt Nam khá dồi dào, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, nên dự báo nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ không tăng đột biến trong thời gian tới.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh cho Việt Nam
(ĐVT: % tính theo lượng)

11 tháng năm 2022

11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Theo dự báo của Rabobank, nhu cầu tiêu thụ tôm tại các thị trường sẽ dần phục hồi trong năm 2024. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ tôm của Trung Quốc có thể tiếp tục giảm.
- ▶ Xuất khẩu thủy sản của Nhật Bản đến Trung Quốc tháng 10/2023 giảm hơn 80%, trong khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 18% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024 sẽ chỉ phục hồi nhẹ so với mức nền thấp của cùng kỳ năm 2023 do nhu cầu thị trường chưa chắc chắn.
- ▶ Nhu cầu nhập khẩu hàng thủy sản của một số thị trường lớn như Hoa Kỳ và Hàn Quốc bắt đầu có tín hiệu phục hồi, trong khi nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc, Nhật Bản vẫn giảm mạnh.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo Rabobank, năm 2023, nguồn cung tôm toàn cầu tăng đột biến, trong khi nhu cầu giảm do lạm phát cao, làm mất cân bằng cung – cầu trên thị trường. Rabobank dự báo nhu cầu tiêu thụ tôm tại các thị trường sẽ dần phục hồi trong năm 2024. Theo đó, triển vọng kinh tế tăng trưởng vào năm 2024 có thể thúc đẩy nhu cầu và giá tôm phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhu cầu tôm của Trung Quốc giảm trong nửa cuối năm 2023 và điều này có thể sẽ tiếp tục kéo dài đến năm 2024. Tình trạng này có thể thúc đẩy các nhà xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường khác thay cho thị trường Trung Quốc.

- Nhật Bản: Theo Bộ Thủy sản Nhật Bản, xuất khẩu thủy sản của nước này trong tháng 10/2023 đạt 25 tỷ yên, tương đương 170 triệu USD, giảm 28% so với năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu thủy

sản của Nhật Bản đến Trung Quốc giảm hơn 80%. Trong khi đó, xuất khẩu thủy sản của Nhật Bản sang Hoa Kỳ tăng 18% so với cùng kỳ năm 2022, với sản phẩm dẫn đầu là sò điệp. Bộ Thủy sản Nhật Bản có kế hoạch mời các doanh nghiệp nhập khẩu từ các nước như Ca-na-đa và Xing-ga-po đến thăm các nhà máy ở Nhật Bản trong tháng 12/2023 để mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản.

- Trung Quốc: Sản lượng mực của Trung Quốc năm 2023 ước đạt 757.000 tấn. Trong khi đó, nhập khẩu mực ống của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2023 tăng lên 350.000 tấn, so với 334.000 tấn cùng kỳ năm 2022. Tiêu thụ mực nội địa của Trung Quốc giảm và đang gây khó khăn cho các nhà kinh doanh vì tồn kho ngày càng tăng. Do đó, triển vọng thị trường mực ống Trung Quốc trong thời gian tới không khả quan.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, tháng 12/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 750 triệu USD, giảm 5,1% so với tháng trước và giảm 0,3% so với tháng 12/2022. Năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 8,98 tỷ USD, giảm 17,8% so với năm 2022.

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 11 tháng năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,923 triệu tấn, trị giá 8,230 tỷ USD, giảm 8,72% về lượng và giảm 19,06% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản chủ lực đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 11 tháng năm 2023, tôm là mặt hàng thủy sản xuất khẩu giảm mạnh nhất, giảm 14,52% về lượng và giảm 23,04% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 352,3 nghìn tấn, trị giá 3,09 tỷ USD.

Cá tra, cá basa là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất về lượng và lớn thứ 2 về trị giá trong 11 tháng năm 2023, đạt 732,5 nghìn tấn, trị giá 1,68 tỷ USD, giảm

9,63% về lượng và giảm 26,97% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cá tra, basa lớn nhất của Việt Nam, đạt 225,2 nghìn tấn, trị giá 495,1 triệu USD, giảm 10,98% về lượng và giảm 21,54% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường xuất khẩu cá tra, basa lớn tiếp theo gồm Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Bra-xin, Mê-hi-cô. Đáng chú ý, tháng 11/2023 là tháng thứ 2 liên tiếp xuất khẩu cá tra, basa tăng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang nhiều thị trường tăng mạnh về lượng như: Trung Quốc, EU, ASEAN, Bra-xin, Mê-hi-cô, Anh, Ca-na-đa....

Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam trong 11 tháng năm 2023 đạt 153,5 nghìn tấn, trị giá 779,3 triệu USD, giảm 9,67% về lượng và giảm 17,78% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Hoa Kỳ giảm, trong khi xuất khẩu sang EU, ASEAN, Ix-ra-en, Nga, Mê-hi-cô, Hàn Quốc... tăng trởng khả quan.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	1.923.408	8.230.130	-8,72	-19,06
Tôm các loại	352.354	3.087.125	-14,52	-23,04
Cá tra, basa	732.524	1.677.143	-9,63	-26,97
Cá đông lạnh	225.738	982.099	6,57	-1,42
Cá ngừ các loại	153.530	779.273	-9,67	-17,78
Mực các loại	55.999	334.219	-14,58	-13,98
Bạch tuộc các loại	37.816	268.381	-6,12	-10,49
Cá khô	84.274	277.929	-10,35	-7,75
Chả cá	130.025	279.436	-22,03	-27,13
Cua các loại	6.169	109.247	-33,98	-16,77
Ghẹ các loại	6.130	73.712	1,09	5,41
Trứng cá	3.733	61.187	1,25	7,79
Cá đóng hộp	23.683	63.901	7,79	-5,65
Nghêu các loại	43.390	72.371	14,73	-18,63
Mắm	16.991	25.414	44,15	1,47
Ruốc	12.298	16.760	16,99	11,95

Mặt hàng	11 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Cá sống	21.740	26.534	22,98	5,42
Hàu	6.317	12.906	75,66	69,17
Ốc các loại	2.855	14.167	5,32	0,24
Bong bóng cá	152	7.575	-0,10	7,57
Thủy sản làm cảnh	179	4.418	-50,21	-32,38
Mặt hàng khác	7.508	56.332	-26,82	105,52

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024 sẽ chỉ phục hồi nhẹ so với mức nền thấp của cùng kỳ năm 2023 do nhu cầu thị trường chưa chắc chắn. Kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, lạm phát giảm nhưng vẫn chưa về mức mục tiêu của các nước, lãi suất cao... vẫn là những yếu tố ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế toàn cầu. Do đó, người tiêu dùng sẽ chưa thực sự thoải mái trong quyết định chi tiêu, nhu cầu tiêu dùng thủy sản toàn cầu khó tăng mạnh. Tuy nhiên, với những tín hiệu từ cuối năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang một số thị trường như Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc... có khả năng phục hồi trở lại trong các tháng đầu năm 2024. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp tiếp tục nỗ lực mở rộng thị trường xuất khẩu hàng

thủy sản. Mới đây, Thương vụ Việt Nam tại An-giê-ri đã phối hợp với hệ thống siêu thị Carrefour tại An-giê-ri tổ chức hoạt động giới thiệu và quảng bá phi lê cá tra, basa tại đại siêu thị Carrefour thuộc Trung tâm thương mại City Center ở Thủ đô An-giê-ri. Mặc dù có bờ biển dài hơn 1.000 km² và bắt đầu nuôi cá biển, nhưng An-giê-ri mỗi năm vẫn phải nhập khẩu khoảng 30.000 tấn thủy hải sản các loại, chủ yếu là cá phi lê, với trị giá khoảng 100 triệu USD/năm. Cá tra, basa phi lê đông lạnh của Việt Nam đã thâm nhập được vào thị trường này với giá bán tại các cửa hàng, chợ và siêu thị dao động từ 7,5-13,8 USD/kg. Các khách hàng địa phương sau khi dùng thử các sản phẩm Việt Nam đều có cảm nhận tốt và đánh giá cao hương vị cũng như chất lượng sản phẩm.

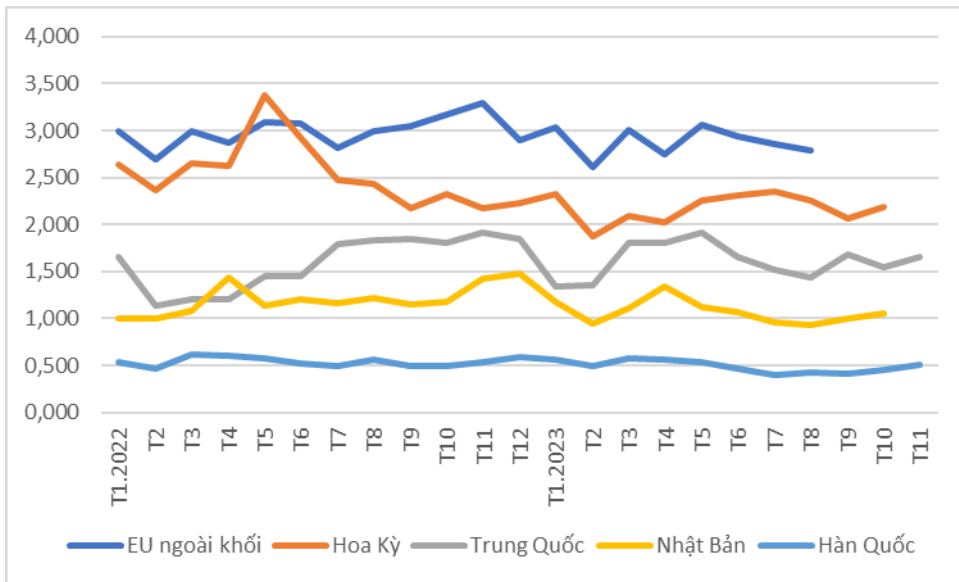


DUNG LƯỢNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của ITC cho thấy, nhu cầu nhập khẩu mặt hàng thủy sản của một số thị trường lớn như Hoa Kỳ và Hàn Quốc bắt đầu có tín

hiệu phục hồi, trong khi nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc, Nhật Bản vẫn giảm mạnh.

Nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới năm 2022 – 2023 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: ITC, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Năm 2023, EU là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới. Theo thống kê của ITC, trong 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của EU từ thị trường ngoài khối đạt 23,04 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, với mức giảm mạnh, Việt Nam xuống vị trí là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 8 cho EU trong 8 tháng đầu năm 2023, sau Na Uy, Ê-cu-a-đo, Mô-rốc-cô, Anh, Trung Quốc, Ai-xơ-len và Ấn Độ, đạt 652 triệu USD, giảm 31,1% so với cùng kỳ năm 2022, mức giảm mạnh nhất trong 10 thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho EU. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ các thị trường ngoài khối của EU giảm từ 4% trong 8 tháng đầu năm 2022 xuống 2,8% trong 8 tháng đầu năm 2023.

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn

thứ 2 thế giới, đạt 21,75 tỷ USD trong 10 tháng năm 2023, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong các tháng gần đây, tốc độ giảm trị giá nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ chậm lại đáng kể, chỉ ở mức 5,5 – 5,6% trong tháng 9 và 10/2023. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 6 cho Hoa Kỳ, sau Ca-na-đa, Chi-lê, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ê-cu-a-đo. Đáng chú ý, tháng 10/2023, Hoa Kỳ tăng mạnh nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam, tăng 138% về lượng và tăng 24,76% về trị giá so với tháng 10/2022, đạt 46,9 nghìn tấn, trị giá 188,13 triệu USD. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 162,4 nghìn tấn, trị giá 1,36 tỷ USD, giảm 0,64% về lượng và giảm 29,48% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 9,96% về lượng và 6,26% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường lớn nhất thế giới năm 2023

Thị trường	Năm 2023 (triệu USD)				So với cùng kỳ năm 2022 (%)			
	8 tháng đầu năm	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	8 tháng đầu năm	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11
EU nhập khẩu từ ngoài khối	23.036				-2,1			
Hoa Kỳ	17.500	2.060	2.190		-18,5	-5,5	-5,6	
Trung Quốc	12.820	1.680	1.550	1.649	9,4	-9,2	-14,4	-14,1
Nhật Bản	8.636	1.001	1.048		-6,5	-12,9	-11,1	
Hàn Quốc	4.013	410	451	512	-7,8	-16,9	-8,1	-4,9

Nguồn: ITC, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ 11 tháng năm 2023, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 19,6 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Tại Hoa Kỳ, hầu hết các ngành sản xuất đều dự đoán tăng trưởng doanh thu trong năm 2024, trong đó có đồ nội thất.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường nhập khẩu chính trên toàn cầu như EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa và Nhật Bản đều giảm.
- ▶ Năm 2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt 13,4 tỷ USD, giảm 16,5% so với năm 2022.



THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 11/2023, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 2,2 tỷ USD, tăng 18,5% so với tháng 11/2022. Tính chung 11 tháng năm 2023, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 19,6 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Trung Quốc xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ tới một số thị trường chính trong 11 tháng năm 2023 như: Hoa Kỳ đạt 6,1 tỷ USD, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 31% tổng trị giá xuất khẩu; tiếp theo là thị trường Anh đạt 1,25 tỷ USD, tăng 10,9%; Úc đạt 1,2 tỷ USD, giảm 15,7%; Nhật Bản đạt 1,17 tỷ USD, giảm 12,8%; Hàn Quốc đạt 1,15 tỷ USD, giảm 2,4%...

Hoa Kỳ: Dẫn nguồn furnituretoday.com, bất chấp sự sụt giảm tháng thứ 13 liên tiếp trong tháng 11/2023, các giám đốc điều hành sản xuất

tại Hoa Kỳ vẫn kỳ vọng ít nhiều về sự cải thiện kinh tế và kinh doanh vào năm 2024.

Theo Viện Quản lý Cung ứng Hoa Kỳ (ISM), sau khi khảo sát các nhà sản xuất, thì 15 trong số 18 ngành sản xuất được ISM ghi nhận dự kiến doanh thu sẽ tăng trong năm 2023. Doanh thu dự kiến sẽ tăng 5,6% trong năm 2023, với 58% tổng số người tham gia khảo sát kỳ vọng sẽ tăng. Việc làm được dự kiến sẽ tăng 2% trong năm 2023.

Theo ISM, các nhà điều hành hoạt động thu mua và cung ứng của ngành sản xuất kỳ vọng sẽ chứng kiến sự tăng trưởng chung vào năm 2024. Họ lạc quan về triển vọng kinh doanh tổng thể trong nửa đầu năm 2024 và tốc độ tăng trưởng nhanh hơn trong nửa cuối năm 2024. Những người được hỏi kỳ vọng áp lực giá nguyên liệu thô sẽ giảm bớt vào năm 2024 và tỷ suất lợi nhuận nửa đầu năm 2024 sẽ cải thiện so với nửa cuối năm

2023. Tiền lương và việc làm sẽ tiếp tục tăng. Các nhà sản xuất cũng dự đoán tăng trưởng cả xuất khẩu và nhập khẩu vào năm 2024.

Trong đó, đồ nội thất là một trong 18 ngành được kỳ vọng sẽ có sự cải thiện, và ngành này là một trong 15 ngành dự đoán doanh thu sẽ được

cải thiện và là một trong 14 ngành dự đoán sản lượng sản xuất sẽ tăng.

So với các ngành khác, đồ nội thất dự kiến sẽ có mức chi tiêu vốn tăng lớn nhất vào năm 2024. Đây cũng là một trong 14 ngành báo cáo chi tiêu vốn trong năm 2023 lớn hơn năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, trong quý 4/2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 3,75 tỷ USD, tăng 5% so với quý 3/2023 và tăng 0,3% so với quý 4/2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 2,6 tỷ USD, tăng 10,4% so với quý 3/2023 và tăng 5,9% so với quý 4/2022. Trong năm 2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 13,4 tỷ USD, giảm 16,5% so với năm 2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 9,1 tỷ USD, giảm 17,5% so với năm 2022.

Trong quý 4/2023, xu hướng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực, tuy nhiên đà phục hồi vẫn còn chậm, do đó chỉ bù đắp một phần nhỏ cho mức giảm từ đầu năm 2023. Chính vì vậy, tính chung năm 2023 trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vẫn ghi nhận mức giảm đáng kể. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ phục hồi chậm là do tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu còn yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng, nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt.

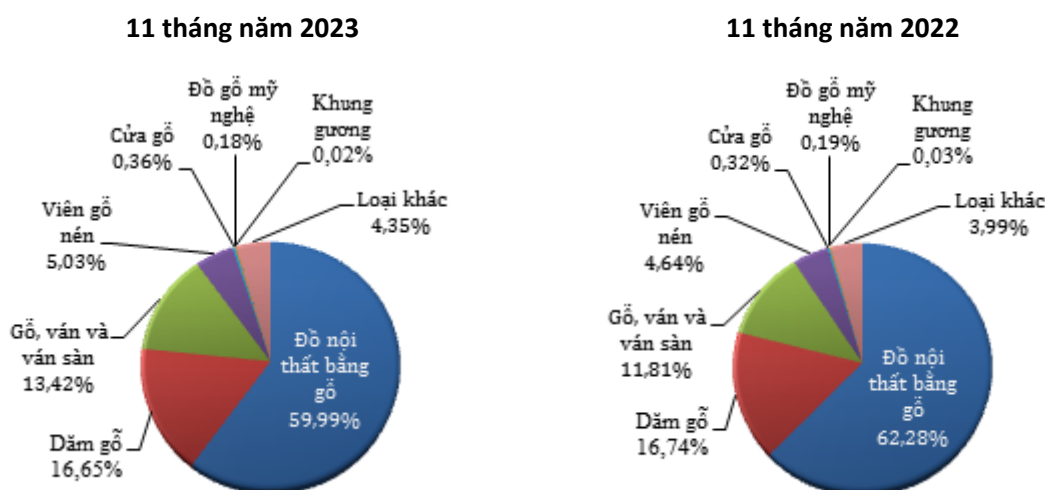
Triển vọng thương mại toàn cầu năm 2024 dự

báo chưa thật khởi sắc, tiếp tục tác động không thuận tới hoạt động xuất khẩu của nhiều ngành hàng, trong đó có mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Khó khăn với ngành gỗ có thể kéo dài khi những yếu tố bất lợi vẫn hiện hữu như khủng hoảng địa chính trị lan rộng, suy thoái kinh tế thế giới, các thị trường xuất khẩu chính chưa phục hồi. Mặc dù hàng tồn kho tại các thị trường tiêu thụ chính có xu hướng giảm, nhưng đà phục hồi còn tương đối chậm, tiêu dùng toàn cầu vẫn chưa thấy sự phục hồi rõ nét. Theo đó, triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2024 vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành gỗ là đồ nội thất bằng gỗ, là mặt hàng xuất khẩu chủ lực và chiếm tỷ trọng cao của ngành gỗ. Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 7,3 tỷ USD, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 59,99% tổng trị giá xuất khẩu; tiếp theo xuất khẩu dăm gỗ đạt 2 tỷ USD, giảm 18%; Gỗ, ván và ván sàn đạt 1,6 tỷ USD, giảm 6,3%; Viên gỗ nén đạt 610 triệu USD, giảm 10,6%...

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu

(Tỷ trọng % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tình hình kinh tế, thương mại toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro; nguy cơ suy thoái kinh tế vẫn chờ chực, khiến lạm phát và lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao, làm nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh tại nhiều thị trường tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ lớn trên toàn cầu.

EU là thị trường nhập khẩu gỗ lớn nhất trên thế giới. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU đạt 18,1 tỷ USD,

giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2022. Nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU có xu hướng giảm do tác động của lạm phát cao, khiến nhu cầu tiêu dùng chậm lại. Cùng với đó, EU ngày càng có các quy định chặt chẽ hơn về tính hợp pháp và bền vững của sản phẩm. Cụ thể, Quy định chống phá rừng của EU (EU Deforestation Regulation, EUDR) có hiệu lực từ cuối tháng 6/2023, quy định các sản phẩm nhập khẩu vào thị trường này phải đảm bảo tính hợp pháp và không gây mất rừng. Ngoài ra, EU cũng đưa ra quy định về giới hạn mới về formaldehyde trong sản phẩm tiêu dùng.

Đối với các sản phẩm và đồ nội thất bằng gỗ, giới hạn liên quan trong tương lai sẽ là 0,062 mg/m³ formaldehyde. Đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tại thị trường EU chỉ chiếm tỷ trọng thấp và đang có xu hướng giảm, do nhu cầu thị trường giảm và khoảng cách địa lý xa là yếu tố cản trở nhập khẩu của EU từ Việt Nam. Trong năm 2024, những quy định mới và nhu cầu tiêu dùng tại EU khó phục hồi nhanh trở lại, khiến hoạt động nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU vẫn chưa có tín hiệu khả quan.

Tiếp theo, Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 thế giới. Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trong 10 tháng năm 2023, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 16,4 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022. Nhập khẩu giảm mạnh do nhu cầu thị trường yếu bởi lãi suất tăng cao, yếu tố chu kỳ và lượng dự trữ hàng tồn kho lớn tại Hoa Kỳ. Đáng chú ý, sau thời kỳ kiềm chế mua sắm khiến nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu như đồ nội thất bằng gỗ giảm sâu, tháng 7, 8, 9 lượng hàng bán ra tại Hoa Kỳ khá lớn, hàng tồn kho đã giảm mạnh. Đây là tín hiệu rõ ràng nhất cho thấy tiêu dùng tại thị trường này có xu hướng hồi phục.

Trong cơ cấu thị trường cung cấp, Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Hoa Kỳ, chiếm 36,4% tổng trị giá nhập khẩu. Mặc dù tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam giảm, nhưng mức giảm không đáng kể. Điều này cho thấy, các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam vẫn đang được người tiêu dùng Hoa Kỳ quan tâm. Tuy

nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ vào Hoa Kỳ, doanh nghiệp cần chú ý, Hoa Kỳ là thị trường cạnh tranh lớn, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực trong việc nghiên cứu, cũng như phát triển thị trường, đầu tư cho việc nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng hàng hoá, để đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như các quy định về phát triển bền vững ngày càng cao. Để cạnh tranh hiệu quả, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ cần nâng cao chất lượng sản phẩm hay giảm giá thành sản xuất mà còn phải đảm bảo chăm sóc khách hàng một cách hiệu quả.

Ngoài 2 thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất thế giới là EU và Hoa Kỳ, thì thị trường Anh, Ca-na-đa và Nhật Bản cũng là những thị trường có nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ ở mức cao. Trong đó, theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh trong 9 tháng năm 2023 đạt 3,1 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2022, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 5,4% tổng trị giá nhập khẩu. Tiếp đến, theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê Ca-na-đa, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa trong 10 tháng năm 2023 đạt 1,88 tỷ USD, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm 2022, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 14,7% tổng trị giá nhập khẩu. Còn theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản trong 10 tháng năm 2023 đạt 1,57 tỷ USD, giảm 17,4% so với cùng kỳ năm 2022, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 23,9% tổng trị giá nhập khẩu.

5 thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường	9 tháng năm 2023 (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 10/2023 (triệu USD)	Lũy kế năm 2023 (triệu USD)	Lũy kế so với năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam lũy kế (%)	
						Năm 2023	Năm 2022
EU	18.086	1,9		18.086	-10,6	1,9	3,0
Hoa Kỳ	14.641	36,3	1.746	16.387	-25,0	36,4	36,5
Anh	3.121	5,4		3.121	-21,7	5,4	7,6
Ca-na-đa	1.677	14,7	200	1.877	-19,4	14,7	15,4
Nhật Bản	1.402	21,4	172	1.574	-17,4	23,9	25,7

Nguồn: Eurostat, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, Cơ quan Hải quan Nhật Bản, Cơ quan thống kê Canada, ITC

Tỷ giá: 1Eur = 1,09 USD

1 USD = 142,38 Yên

KHUYẾN CÁO DOANH NGHIỆP THỰC PHẨM KHI XUẤT KHẨU SANG XING-GA-PO

Cơ quan quản lý Thực phẩm Xing-ga-po (SFA) đã có thông cáo báo chí về việc Công ty tư nhân Viet-Sin Grocery, có đăng ký kinh doanh tại Xing-ga-po từ năm 2020, đã phải chịu mức phạt 36.000 SGD với lý do vận hành trái phép hai kho trữ lạnh, nhập khẩu trái phép một số sản phẩm thịt và hải sản từ Việt Nam; và một số khuyến cáo cho doanh nghiệp Việt Nam

Theo báo cáo của SFA, công ty Viet-Sin Grocery đã ba lần vi phạm việc vận hành kho lạnh và nhập khẩu trái phép một số sản phẩm thịt và hải sản từ Việt Nam. Ngày 26/04/2022, SFA đã tìm thấy khoảng 1.800 kg thịt, thực phẩm chế biến từ thịt và hải sản được bảo quản trong một kho lạnh không có giấy phép vào tại Gambas Crescent. Tiếp đó, ngày 15/3/2023, SFA phát hiện thêm một kho lạnh khác đang hoạt động không có giấy phép tại Woodlands Close, lưu trữ khoảng 1.240 kg thịt, thực phẩm chế biến từ thịt và hải sản. Mới nhất, khoảng 37 kg sản phẩm thịt các loại đã bị phát hiện đang phân phối tại một cửa hàng tạp hóa ở Woodlands. Hai kho lạnh và cửa hàng tạp hóa nói trên đều do công ty Viet-Sin điều hành. Các sản phẩm nêu trên được xác nhận là nhập khẩu từ Việt Nam, không có giấy phép nhập khẩu hợp lệ và có nguồn gốc chưa được công nhận. Hiện tại, SFA đã thu giữ toàn bộ tang vật.

Vụ việc này đã được thông báo trên website chính thức của SFA có kèm theo hình ảnh một số mặt hàng nhập khẩu trái phép từ Việt Nam.

Để đảm bảo xây dựng uy tín và hình ảnh của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường Xing-ga-po, doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm Việt Nam cần lưu ý:

Xing-ga-po có các quy định rất chặt chẽ về quá trình sản xuất và tiêu thụ thực phẩm, quy định về dán nhãn thực phẩm, các chất phụ gia thực phẩm cho phép sử dụng, các thành phần ngẫu nhiên xuất hiện trong thực phẩm, việc sử dụng các khoáng chất, dầu được hydro hóa một phần, quy định về hộp đựng thực phẩm, thực phẩm chiếu xạ... Chính phủ Xing-ga-po có quy định đối với từng loại mặt hàng nhập khẩu. Việc nhập khẩu các sản phẩm sữa và sản phẩm sữa, động vật tươi sống, thịt, cá được đánh giá là “rủi ro cao” và được kiểm soát chặt chẽ thông qua các quy trình kiểm tra, kiểm định, cấp

giấy phép của SFA. Hiện tại, Xing-ga-po chưa cho phép nhập khẩu trứng tươi, các loại thịt và động vật sống, hải sản; và đưa ra những yêu cầu kỹ thuật cao cho sản phẩm sữa của Việt Nam.

Trái cây tươi và rau quả nhập khẩu vào Xing-ga-po quy định không được chứa bất kỳ loại thuốc trừ sâu bị cấm, và mức độ dư lượng thuốc trừ sâu hoặc dư lượng hóa chất độc hại không vượt quá mức quy định tại Luật Kinh doanh Thực phẩm hoặc khuyến nghị của FAO/WHO.

Theo quy định của Xing-ga-po, các doanh nghiệp tại Xing-ga-po nhập khẩu thực phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của SFA và phải được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền. Mỗi lô hàng phải được khai báo và kèm theo giấy phép nhập khẩu hợp lệ. Nếu doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến trái phép các sản phẩm thịt từ nguồn cung không được cấp phép hoặc tàng trữ sản phẩm thịt để bán, nhưng không có giấy phép hợp lệ sẽ bị phạt tiền (tới 100.000 S\$) hoặc/và ngồi tù (tới 3 năm), tùy theo mức độ vi phạm.

Xing-ga-po là thị trường có yêu cầu cao, khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm... được chính phủ Xing-ga-po quản lý chặt chẽ và phải tuân theo Luật Kinh doanh Thực phẩm (Sales of Food Act) năm 2002 được sửa đổi thay thế một số điều vào 7/12/2017, Quy định về thực phẩm (Food Regulations), Quy định về môi trường, sức khỏe cộng đồng (An toàn thực phẩm) (Environmental Public Health Food Hygiene Regulations)...

Bên cạnh những đòi hỏi về chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm thực phẩm, người tiêu dùng Xing-ga-po còn rất nhạy cảm đối với các thông tin liên quan đến đảm bảo vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, minh bạch và tính tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp. Những trường hợp như công ty Viet-Sin Grocery nói trên có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến lựa chọn mua hàng của người tiêu dùng Xing-ga-po đối với hàng thực phẩm Việt Nam nói chung và tạo tiếng xấu cho doanh nghiệp xuất khẩu hàng Việt Nam nói riêng. Các doanh nghiệp Việt Nam nên thường xuyên cập nhật thông tin quy định của địa bàn và lựa chọn các đối tác cho phù hợp.

KHUYẾN CÁO VỀ VIỆC HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH PHÁT SINH TẠI KHU VỰC BIỂN ĐỎ

Thời gian vừa qua, tại khu vực Vịnh Aden và Biển Đỏ xuất hiện tình trạng tàu biển chuyên chở hàng hóa bị tấn công, dẫn đến việc một số hãng vận tải biển đã ra thông báo dừng vận chuyển hàng hóa qua khu vực Biển Đỏ, thay đổi lịch trình, chuyển hướng đi vòng qua Mũi Hảo Vọng của Châu Phi.

Tình trạng trên phát sinh tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại quốc tế, làm cho hàng hóa vận chuyển bằng đường biển giữa Châu Á với Châu Âu và Bờ Đông Bắc Mỹ phải mất nhiều thời gian hơn. Cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm cho hàng hóa trao đổi giữa các khu vực này tăng thêm. Hiện tượng thiếu container rỗng có thể xảy ra cục bộ.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đề nghị các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội trong lĩnh vực logistics tăng cường theo dõi, thường xuyên cập nhật tình hình đến các doanh nghiệp trong ngành nắm chắc thông tin để chủ động kế hoạch sản xuất và xuất nhập khẩu hàng hóa, tránh để phát sinh ứ tắc và các tác động bất lợi khác.

Cục Xuất nhập khẩu đề nghị các doanh nghiệp xuất nhập khẩu theo dõi sát tình hình, chủ động lên phương án thích hợp, trao đổi với đối tác để trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian đóng hàng, nhận hàng.

Các doanh nghiệp tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung để hạn chế ảnh hưởng đối với chuỗi cung ứng. Tìm hiểu về phương thức vận chuyển đường sắt để có lựa chọn khác nhau về phương thức giao hàng.

Các doanh nghiệp khi ký kết và đàm phán hợp đồng thương mại, hợp đồng vận chuyển nên có điều khoản về bồi thường, miễn trách nhiệm trong các tình huống khẩn cấp. Cần mua bảo hiểm đầy đủ để phòng ngừa rủi ro và tổn thất khi hàng hóa phải kéo dài thời gian vận chuyển hoặc gặp sự cố khi đi qua tuyến đường này.

Các hiệp hội, doanh nghiệp kịp thời trao đổi, phản ánh với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan những vấn đề phát sinh để cùng phối hợp xử lý.

BỘ CÔNG THƯƠNG PHÊ DUYỆT DANH SÁCH “DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU UY TÍN” NĂM 2022

Thực hiện Văn bản số 3028/BCT-XNK ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan hữu quan lựa chọn, tổng hợp và đăng tải Danh sách sơ tuyển “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương để tham khảo ý kiến công luận.

Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường, v.v... Đây

là một hoạt động hết sức cần thiết nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng thị trường, đặc biệt là khi Việt Nam đã tham gia vào một loạt các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Sau một thời gian đăng tải Danh sách sơ tuyển, tiếp thu các ý kiến phản hồi, ngày 14 tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3235/QĐ-BCT phê duyệt Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022. Trên cơ sở đề xuất của 54 cơ quan, tổ chức xét chọn (bao gồm các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố), Bộ Công Thương đã xét chọn được 274 doanh nghiệp (tương đương với 278 lượt doanh nghiệp theo 25 ngành hàng). Hiện nay, Quyết định số 3235/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Danh sách chính thức “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 đang được đăng tải

trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương (www.moit.gov.vn) và trang thông tin điện tử của một số cơ quan hữu quan.

Trong đó có 160 doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, bao gồm: 14 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê, 23 doanh nghiệp xuất khẩu cao su, 7 doanh nghiệp xuất khẩu chè, 46 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, 22 doanh nghiệp xuất khẩu gạo, 13 doanh nghiệp xuất khẩu hạt điều, 13 doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu, 17 doanh nghiệp xuất khẩu rau, củ, quả và các sản

phẩm từ rau, củ, quả và 5 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ

Bộ Công Thương hy vọng các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy thành tích trong thời gian tới để khẳng định vị trí của mình trong cộng đồng doanh nghiệp thế giới.

Bộ Công Thương thông báo để các Bộ, ngành, Sở Công Thương địa phương, Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp biết.

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.